



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **137**/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày **15** tháng **9** năm 2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 200/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung quy định tại khoản 4 Điều 14, khoản 4 và khoản 8 Điều 20, khoản 10 Điều 21, khoản 1 Điều 29, các khoản 2, 3 và 4 Điều 31, khoản 1 Điều 32, khoản 4 Điều 33, khoản 1 Điều 35, khoản 6 Điều 37, khoản 6 Điều 39, các khoản 1, 2 và 3 Điều 40, khoản 2 và khoản 3 Điều 41, khoản 1 Điều 43, khoản 1 Điều 44 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

2. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu; tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu; đại diện người sở hữu trái phiếu; tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu; thành viên lưu ký, thành viên giao dịch; tổ chức mở tài khoản trực tiếp ngoại trừ tổ chức mở tài khoản trực tiếp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 165 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

4. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

6. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hệ thống thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ* là hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngân hàng thanh toán tổ chức với sự tham gia của các bên liên quan phục vụ cho hoạt động thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

2. *Thanh toán tức thời theo từng giao dịch* là phương thức thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được thực hiện trên cơ sở từng giao dịch ngay khi bên mua có đủ tiền và bên bán có đủ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên tài khoản lưu ký chứng khoán.

3. *Giá thực hiện* là giá tính trên một trái phiếu dùng để xác định số tiền thanh toán của giao dịch.

4. *Giao dịch mua bán thông thường* là giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong đó một bên bán chuyển giao quyền sở hữu trái phiếu cho một bên mua và không kèm theo cam kết mua lại trái phiếu.

Chương II

ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ, THỰC HIỆN QUYỀN, CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU, THANH TOÁN GIAO DỊCH VÀ TỔ CHỨC THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Mục 1

ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ, THỰC HIỆN QUYỀN, CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU

Điều 4. Đăng ký, hủy đăng ký và quản lý thông tin trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Doanh nghiệp phát hành đăng ký các thông tin về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và hướng dẫn tại quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Khi có thay đổi về thông tin doanh nghiệp phát hành đã đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thay đổi và không chậm hơn 05 ngày làm việc trước ngày trái phiếu đáo hạn, doanh nghiệp phát hành phải thực hiện điều chỉnh thông tin với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Trường hợp doanh nghiệp phát hành thay đổi điều kiện, điều khoản trái phiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 5, khoản 5 và khoản 6 Điều 50 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP dẫn đến giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, doanh nghiệp phát hành phải thực hiện điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký trước hoặc đồng thời với việc thay đổi thông tin điều kiện, điều khoản trái phiếu với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký trong trường hợp doanh nghiệp phát hành mua lại trước hạn một phần, hoán đổi một phần, chuyển đổi một phần hoặc trong trường hợp doanh nghiệp phát hành thay đổi kỳ hạn của trái phiếu nhưng có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận dẫn đến doanh nghiệp phát hành phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu này theo phương án phát hành đã công bố theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 50 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, đồng thời gửi thông báo về việc điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

5. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện điều chỉnh thông tin có liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ do sai sót trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp phát hành sai sót trong việc cập nhật thông tin chuyển nhượng vào Sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu đã đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với các giao dịch đã được chuyển nhượng trước thời điểm chốt danh sách người sở hữu để thực hiện đăng ký trái phiếu và đã được xác nhận chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

b) Doanh nghiệp phát hành nhập nhầm thông tin số lượng trái phiếu của người sở hữu trong quá trình lập Sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu;

c) Doanh nghiệp phát hành, thành viên lưu ký có sai sót trong quá trình cập nhật thông tin nhận diện người sở hữu trái phiếu với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Doanh nghiệp phát hành phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin cung cấp theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

7. Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.

8. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hủy đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong các trường hợp sau:

a) Trái phiếu đến thời gian đáo hạn hoặc doanh nghiệp phát hành mua lại trước hạn, hoán đổi, chuyển đổi toàn bộ trái phiếu;

b) Doanh nghiệp phát hành bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;

c) Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam phát hiện doanh nghiệp phát hành giả mạo hồ sơ đăng ký trái phiếu;

d) Theo đề nghị của Sở Giao dịch Chứng khoán trong trường hợp Sở Giao dịch Chứng khoán phát hiện doanh nghiệp phát hành giả mạo hồ sơ đăng ký giao dịch trái phiếu;

đ) Doanh nghiệp phát hành chấm dứt sự tồn tại do giải thể hoặc phá sản hoặc thực hiện chia doanh nghiệp;

e) Trái phiếu bị hủy bỏ theo bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của trọng tài hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Khi hủy đăng ký trái phiếu, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ chấm dứt ghi nhận thông tin về trái phiếu đã đăng ký theo khoản 1 Điều này tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Việc hủy đăng ký trái phiếu, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam không làm thay đổi quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu trái phiếu. Doanh nghiệp phát hành chịu trách nhiệm thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, quản lý thông tin về trái phiếu và tiếp tục thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của người sở hữu trái phiếu (nếu có) theo quy định của pháp luật sau khi trái phiếu bị hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (bao gồm cả trái phiếu đã bị phong tỏa theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo thông báo của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại thời điểm hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký).

10. Việc đăng ký, hủy đăng ký, quản lý thông tin trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, Thông tư này và các quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 5. Cấp mã trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

Hoạt động cấp mã trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và Quy chế về hoạt động cấp mã chứng khoán trong nước và mã số định danh chứng khoán quốc tế tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 6. Lưu ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Hoạt động lưu ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bao gồm: mở và quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán, ký gửi trái phiếu, rút trái phiếu, chuyển khoản trái phiếu lưu ký ngoài hệ thống giao dịch trái phiếu, phong tỏa và giải tỏa trái phiếu.

2. Hoạt động lưu ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư này và quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Trường hợp nhà đầu tư đã có tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký, nhà đầu tư đăng ký thông tin với thành viên lưu ký để sử dụng tài khoản này lưu ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

3. Trường hợp nhà đầu tư giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, thành viên lưu ký phải đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thông tin tài khoản lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư tham gia giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và thông tin bổ sung theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thành viên lưu ký phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin khi đăng ký tài khoản lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư và cung cấp thông tin cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam được quyền từ chối đăng ký thông tin tài khoản lưu ký chứng khoán trong trường hợp thành viên lưu ký cung cấp thông tin về nhà đầu tư không đầy đủ, không chính xác. Hàng ngày, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập và gửi danh sách tài khoản nhà đầu tư, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp hoàn tất việc đăng ký, hủy đăng ký thông tin tài khoản lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam để nhà đầu tư, tổ chức mở tài khoản trực tiếp được thực hiện giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ vào ngày giao dịch liền kề.

Điều 7. Thực hiện quyền của người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện quyền của người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp phát hành sau khi kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Doanh nghiệp phát hành chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của hồ sơ đề nghị thực hiện quyền, đồng thời chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho người sở hữu trái phiếu theo quy định pháp luật trong trường hợp đề nghị

thực hiện quyền gửi đến Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam không kịp thời, không đầy đủ hoặc không chính xác.

2. Các trường hợp thực hiện quyền đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ bao gồm:

- a) Lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu;
- b) Thanh toán lãi, gốc trái phiếu;
- c) Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi;
- d) Hoán đổi trái phiếu;
- đ) Mua lại trái phiếu trước hạn;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp phát hành, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký chịu trách nhiệm thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu đã đăng ký, lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định của Thông tư này, quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và quy định pháp luật có liên quan. Doanh nghiệp phát hành chịu trách nhiệm thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu chưa lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trường hợp không tuân thủ các quy định này, doanh nghiệp phát hành, thành viên lưu ký, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp thanh toán lãi, gốc trái phiếu, doanh nghiệp phát hành tuân thủ theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, Thông tư này và quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Trường hợp doanh nghiệp phát hành thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu hoặc thanh toán lãi, gốc trái phiếu đến hạn cho người sở hữu trái phiếu bằng tài sản khác theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP hoặc thanh toán lãi, gốc trái phiếu đến hạn theo thỏa thuận với người sở hữu trái phiếu dẫn đến đợt thanh toán lãi, gốc trái phiếu bằng tiền không thể thực hiện được đồng thời cho toàn bộ người sở hữu trái phiếu theo đúng thông tin về điều kiện, điều khoản trái phiếu đã đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trước đó, doanh nghiệp phát hành tự thực hiện đợt thanh toán đó cho toàn bộ người sở hữu trái phiếu và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thanh toán cho người sở hữu trái phiếu theo đúng quy định pháp luật.

6. Trường hợp doanh nghiệp phát hành thanh toán lãi, gốc trái phiếu bằng chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán được thực hiện theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Điều 8. Chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đối với các trường hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đã đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với các giao dịch không mang tính chất mua bán hoặc không thực hiện qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ như sau:

a) Tặng cho, thừa kế chứng khoán theo quy định của Bộ luật Dân sự; phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

b) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể doanh nghiệp; tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập; chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan;

c) Chuyển quyền sở hữu theo bản án, quyết định của tòa án, quyết định của trọng tài hoặc văn bản yêu cầu của cơ quan thi hành án;

d) Chuyển quyền sở hữu do xử lý tài sản bảo đảm là trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đã đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ để xử lý trường hợp mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán;

đ) Chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ khi thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể quỹ đầu tư chứng khoán; thành lập, tăng vốn điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ; tăng, giảm vốn điều lệ quỹ thành viên; chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ khi quỹ trả bằng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong hoạt động mua bán lại của quỹ mở;

e) Nhà đầu tư ủy thác chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của mình sang công ty quản lý quỹ trong trường hợp công ty quản lý quỹ nhận quản lý danh mục đầu tư ủy thác bằng tài sản; công ty quản lý quỹ chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được ủy thác sang nhà đầu tư ủy thác trong trường hợp có thay đổi điều khoản tương ứng trong hợp đồng ủy thác đầu tư; công ty quản lý quỹ chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được ủy thác sang nhà đầu tư ủy thác đảm bảo đúng đối tượng nhà đầu tư trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định pháp luật hoặc chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sang công ty quản lý quỹ khác trong trường hợp chấm dứt hợp đồng quản lý danh mục đầu tư; công ty quản lý quỹ giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động hoàn trả nhà đầu tư ủy thác tài sản hoặc chuyển danh mục tài sản sang công ty quản lý quỹ khác quản lý; chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ giữa các công ty quản lý quỹ quản lý tài sản của cùng một nhà đầu tư ủy thác theo yêu cầu của nhà đầu tư đó;

g) Chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phát sinh khi doanh nghiệp phát hành thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 22 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP;

h) Chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ là giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

i) Các trường hợp chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ khác, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam xem xét, thực hiện trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Bên chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phải thực hiện lưu ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trước khi thực hiện chuyển quyền sở hữu, ngoại trừ các trường hợp sau:

a) Bên chuyển quyền sở hữu bị mất tích, chết;

b) Chuyển quyền sở hữu theo bản án, quyết định của tòa án, quyết định của trọng tài hoặc văn bản yêu cầu của cơ quan thi hành án;

c) Bên chuyển quyền sở hữu không còn tồn tại do đã hoàn tất các thủ tục chia, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể, chấm dứt hoạt động;

d) Các trường hợp khác Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam xem xét, thực hiện trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Trường hợp trái phiếu đã lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký chịu trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, đảm bảo nhà đầu tư thuộc đúng đối tượng theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP trước khi gửi yêu cầu chuyển quyền sở hữu lên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu không qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

5. Khi thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu, các bên liên quan phải tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 129 Luật Doanh nghiệp, điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán, khoản 6 Điều 20 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, các quy định pháp luật có liên quan và quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Mục 2

TỔ CHỨC GIAO DỊCH

Điều 9. Đăng ký giao dịch, hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch trái phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo khoản 3 và khoản 4 Điều 21 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Trường hợp thay đổi thông tin về doanh nghiệp phát hành do doanh nghiệp hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phát hành phải gửi yêu cầu điều chỉnh thông tin tới Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới theo hướng dẫn tại Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Trường hợp thay đổi thông tin về điều kiện, điều khoản của trái phiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 5, khoản 5 và khoản 6 Điều 50 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, doanh nghiệp phát hành phải gửi yêu cầu điều chỉnh thông tin tới Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu theo hướng dẫn tại Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam. Riêng trường hợp thay đổi thông tin về kỳ hạn trái phiếu, doanh nghiệp phải gửi yêu cầu điều chỉnh thông tin tới Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội muộn nhất 05 ngày làm việc trước ngày đáo hạn trái phiếu theo phương án phát hành ban đầu đã công bố cho nhà đầu tư. Trường hợp không tuân thủ các quy định này, doanh nghiệp phát hành chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho người sở hữu trái phiếu theo quy định pháp luật.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra thông báo về việc hủy bỏ đăng ký giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định được căn cứ thực hiện hủy bỏ đăng ký giao dịch, đồng thời gửi thông báo cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và thực hiện hủy bỏ đăng ký giao dịch trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra thông báo đối với các trường hợp quy định khoản 6 Điều 21 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP (ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này), cụ thể như sau:

a) Trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch do trái phiếu đến thời gian đáo hạn, ngày hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu được xác định là ngày làm việc tiếp theo ngày đăng ký cuối cùng tại thông báo ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu trái phiếu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trường hợp Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội không nhận được thông báo ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu trái phiếu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngày hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu là ngày đáo hạn của trái phiếu;

b) Trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch do doanh nghiệp phát hành mua lại trước hạn, hoán đổi, chuyển đổi toàn bộ trái phiếu, việc hủy bỏ đăng ký giao dịch căn cứ vào nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn, kết quả thực hiện chuyển đổi trái phiếu, kết quả hoán đổi trái phiếu theo quy định tại Điều 24 Thông tư này;

c) Trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 21 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, việc hủy bỏ đăng ký giao dịch căn cứ vào nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Thông tư này hoặc căn cứ vào văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thu hồi Giấy

phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;

d) Trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 6 Điều 21 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, việc hủy bỏ đăng ký giao dịch thực hiện khi Sở Giao dịch Chứng khoán phát hiện doanh nghiệp giả mạo hồ sơ, hoặc nhận được văn bản đề nghị của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc doanh nghiệp phát hành giả mạo hồ sơ đăng ký trái phiếu;

đ) Trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 21 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, việc hủy bỏ đăng ký giao dịch căn cứ vào nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Thông tư này về việc thực hiện chia, tách doanh nghiệp hoặc chấm dứt sự tồn tại do giải thể, phá sản và đề nghị của doanh nghiệp phát hành về việc hủy đăng ký giao dịch;

e) Trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch theo quy định tại điểm e khoản 6 Điều 21 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, việc hủy bỏ đăng ký giao dịch được thực hiện sau khi Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nhận được bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của trọng tài hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký giao dịch sau khi doanh nghiệp phát hành hoàn tất việc điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này trong trường hợp doanh nghiệp phát hành mua lại trước hạn một phần, hoán đổi một phần, chuyển đổi một phần trái phiếu hoặc doanh nghiệp phát hành thay đổi kỳ hạn của trái phiếu nhưng có trường hợp người sở hữu trái phiếu không chấp thuận việc thay đổi kỳ hạn trái phiếu dẫn đến doanh nghiệp phát hành phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu này theo phương án phát hành đã công bố theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 50 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

5. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng-lẻ hướng dẫn hoạt động đăng ký giao dịch, hủy bỏ đăng ký giao dịch và điều chỉnh số lượng đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Điều 10. Thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Thành viên giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ bao gồm thành viên giao dịch và thành viên giao dịch đặc biệt của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam. Việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phải được thực hiện thông qua thành viên giao dịch theo khoản 9 Điều 21 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam chịu trách nhiệm:

a) Tuân thủ đúng quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP trước khi nhập lệnh vào hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ;

b) Đảm bảo cho chính mình và khách hàng của mình (trường hợp là thành viên giao dịch) có đủ tiền và trái phiếu trước khi thực hiện giao dịch, đồng thời kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của các lệnh giao dịch theo quy định của pháp luật;

c) Đảm bảo tính chính xác, đầy đủ của thông tin giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ;

d) Lưu trữ, bảo mật tài khoản và hồ sơ giao dịch của khách hàng theo quy định của pháp luật;

đ) Cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản của mình và tài khoản của khách hàng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

e) Thực hiện báo cáo định kỳ theo tháng, quý, bán niên, năm cho Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phải báo cáo bất thường bằng văn bản cho Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong vòng 24 giờ kể từ khi thành viên phát hiện giao dịch là một trong các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán và các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp cần thiết, để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có thể yêu cầu thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ báo cáo các thông tin liên quan đến hoạt động giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, chính xác và kịp thời đúng nội dung, thời hạn và hình thức theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 11. Tổ chức giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Tổ chức có trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, đảm bảo nhà đầu tư thuộc đúng đối tượng mua, giao dịch, chuyển nhượng theo khoản 1 Điều 9 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP trước khi thành viên giao dịch nhập lệnh vào hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại thành viên giao dịch để thực hiện giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Trước khi mua trái phiếu, nhà đầu tư chuyên nghiệp là cá nhân phải ký văn bản xác nhận theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

3. Trường hợp nhà đầu tư đã có tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở mở tại thành viên giao dịch, nhà đầu tư được phép sử dụng tài khoản giao dịch chứng khoán này để thực hiện giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Trường hợp

nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký và mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán, nhà đầu tư được đặt lệnh mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và công ty chứng khoán được thực hiện lệnh mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ khi có xác nhận của ngân hàng lưu ký về việc ngân hàng lưu ký chấp nhận yêu cầu thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của nhà đầu tư.

4. Thành viên giao dịch phải thống nhất và công khai hình thức tiếp nhận, xử lý giao dịch của khách hàng tại trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch. Kết quả thực hiện giao dịch phải được thông báo cho khách hàng ngay sau khi giao dịch được thực hiện theo đúng hình thức đã thỏa thuận với khách hàng. Thành viên giao dịch phải gửi sao kê tài khoản tiền và trái phiếu hàng tháng hoặc khi có yêu cầu từ khách hàng.

5. Thành viên giao dịch phải ưu tiên thực hiện lệnh giao dịch cho khách hàng trước lệnh tự doanh của thành viên giao dịch với mức giá thực hiện tốt nhất có thể. Mức giá thực hiện tốt nhất có thể là mức giá theo yêu cầu của khách hàng hoặc tốt hơn mức giá theo yêu cầu của khách hàng.

6. Sau khi giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được xác lập và hoàn tất, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có trách nhiệm cung cấp thông tin về kết quả giao dịch cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam để thực hiện hoạt động thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Điều 12. Giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Loại hình giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ là giao dịch mua bán thông thường.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội áp dụng phương thức giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Phương thức giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được thực hiện theo nguyên tắc các bên tham gia giao dịch tự thỏa thuận, thống nhất các nội dung giao dịch. Giao dịch theo phương thức thỏa thuận được xác lập khi bên mua hoặc bên bán nhập lệnh giao dịch vào hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và bên đối ứng xác nhận lệnh giao dịch này.

3. Phương thức giao dịch thỏa thuận bao gồm:

a) Thỏa thuận điện tử là hình thức giao dịch trong đó thành viên giao dịch nhập lệnh chào mua, chào bán với cam kết chắc chắn vào hệ thống hoặc lựa chọn các lệnh đối ứng phù hợp đã được nhập vào hệ thống để thực hiện giao dịch;

b) Thỏa thuận thông thường là hình thức giao dịch trong đó bên mua và bên bán tự thỏa thuận với nhau về các điều kiện giao dịch từ trước và báo cáo kết quả vào hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ để xác lập giao dịch.

4. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế nghiệp vụ để triển khai công tác giám sát giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

Điều 13. Công khai thông tin về hoạt động giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có trách nhiệm công khai những thông tin sau đây về giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ:

a) Thông tin về giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, bao gồm thông tin các mã trái phiếu doanh nghiệp đăng ký giao dịch, thông tin về tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường, tổng giá trị giao dịch toàn thị trường;

b) Thông tin về đăng ký giao dịch, thay đổi thông tin đăng ký giao dịch, hủy bỏ đăng ký giao dịch, điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký giao dịch theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm công khai thông tin về thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Mục 3

THANH TOÁN GIAO DỊCH

Điều 14. Các tổ chức tham gia hệ thống thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Các tổ chức thực hiện thanh toán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên hệ thống tài khoản lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bao gồm:

a) Thành viên lưu ký thực hiện thanh toán đối với giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của chính mình và cho khách hàng của thành viên lưu ký;

b) Tổ chức mở tài khoản trực tiếp thực hiện thanh toán đối với giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của chính mình.

2. Ngân hàng thanh toán thực hiện thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ là ngân hàng thương mại được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lựa chọn theo quy định tại Điều 69 Luật Chứng khoán, Điều 167 và Điều 168 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

3. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp tham gia vào hệ thống thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phải đáp ứng yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về kết nối hệ thống, quy trình nghiệp vụ để thực hiện chức năng thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

4. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải kết nối hệ thống, đảm bảo thực hiện theo quy trình nộp, rút, chuyển khoản, so khớp số dư tiền thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của ngân hàng thanh toán để thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

5. Ngân hàng thanh toán chịu trách nhiệm bồi thường cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp các chi phí và thiệt hại phát sinh trong trường hợp không thực hiện hoạt động thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo đúng quy định do lỗi của ngân hàng thanh toán.

6. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp gửi báo cáo hoạt động lưu ký, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 15. Thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Thành viên lưu ký phải mở các tài khoản tiền gửi đứng tên thành viên lưu ký tại ngân hàng thanh toán để thực hiện thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cho các giao dịch tự doanh, môi giới trong nước và môi giới nước ngoài. Tổ chức mở tài khoản trực tiếp mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thanh toán để thực hiện thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của chính mình. Ngân hàng thanh toán có trách nhiệm quản lý thông tin chi tiết số dư tiền gửi thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký theo thông tin do thành viên lưu ký cung cấp để đảm bảo thanh toán đúng giao dịch của nhà đầu tư đó.

2. Trường hợp khách hàng mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký không phải là thành viên giao dịch, việc đặt lệnh giao dịch được thực hiện qua thành viên giao dịch và việc thanh toán giao dịch được thực hiện qua thành viên lưu ký.

3. Căn cứ vào kết quả giao dịch do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cung cấp theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Thông tư này, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đối chiếu, gửi thông báo kết quả giao dịch và nghĩa vụ thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp theo quy định tại Điều 16 Thông tư này. Trên cơ sở xác nhận của thành viên lưu ký và tổ chức mở tài khoản trực tiếp, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định nghĩa vụ thanh toán tiền, trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và gửi thông tin nghĩa vụ thanh toán cho các bên liên quan và ngân hàng thanh toán.

4. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo phương thức thanh toán tức thời theo từng giao dịch với thời gian thanh toán trong cùng ngày giao dịch, không áp dụng cơ chế đối tác bù trừ trung tâm.

5. Việc thanh toán tiền được thực hiện trên hệ thống tài khoản tiền gửi của ngân hàng thanh toán theo nghĩa vụ thanh toán tiền do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định và ủy quyền của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp cho ngân hàng thanh toán thực hiện thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

6. Việc thanh toán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được thực hiện trên hệ thống của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo nguyên tắc chuyển khoản trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ giữa các tài khoản của nhà đầu tư tại thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đồng thời với thanh toán tiền tại ngân hàng thanh toán.

7. Thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản có trách nhiệm phân bổ tiền và trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đến tài khoản của nhà đầu tư ngay sau khi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoàn tất việc thanh toán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và ngân hàng thanh toán hoàn tất việc thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, đồng thời thông báo cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam kết quả phân bổ trong thời hạn quy định tại quy chế hướng dẫn hoạt động đăng ký, hủy đăng ký, điều chỉnh thông tin đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

8. Việc thanh toán, đối chiếu, xác nhận kết quả giao dịch, xử lý lỗi sau giao dịch, xử lý giao dịch mất khả năng thanh toán tiền, loại bỏ thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo quy định tại Thông tư này và hướng dẫn tại các quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 16. Đối chiếu, xác nhận kết quả giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Sau khi nhận kết quả giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam kiểm tra và loại bỏ thanh toán giao dịch trong các trường hợp sau:

a) Giao dịch của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp hoặc khách hàng của thành viên lưu ký được thực hiện sau khi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đã thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc đình chỉ hoạt động thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đối với thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đó;

b) Giao dịch có thông tin mã trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không đúng với thông tin mã trái phiếu đã được đăng ký trên hệ thống của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Giao dịch có số hiệu tài khoản không hợp lệ do số đăng ký thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp hoặc ký tự loại tài khoản giao dịch không tồn tại, có ngày giao dịch khác với ngày làm việc trên hệ thống của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Giao dịch có các thông tin không hợp lệ gồm: không có mã phiên giao dịch, ngày giao dịch khác ngày hiện tại, không có số hiệu lệnh bên mua hoặc bên bán, giá hoặc khối lượng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng không, không có số xác nhận lệnh;

đ) Giao dịch có tổ hợp bốn thông tin mã thị trường, mã bảng giao dịch, mã chứng khoán, số xác nhận lệnh trùng với giao dịch đã nhận trước đó;

e) Giao dịch có thông tin tài khoản nhà đầu tư chưa được thành viên lưu ký đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

g) Giao dịch không có đủ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ để thanh toán.

2. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ còn lại (không bao gồm các giao dịch bị loại bỏ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều này) cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp để đối chiếu và xác nhận kết quả giao dịch và nghĩa vụ thanh toán đồng thời phong tỏa số lượng trái phiếu bán.

3. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm đối chiếu chi tiết giao dịch với thông tin giao dịch nhận được theo quy định tại khoản 2 Điều này và xác nhận lại với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 17. Xử lý lỗi sau giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Trường hợp thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt nhập sai số hiệu tài khoản của chính mình vào hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện điều chỉnh về đúng số hiệu tài khoản tự doanh của thành viên giao dịch, số hiệu tài khoản của thành viên giao dịch đặc biệt để thực hiện thanh toán giao dịch.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện loại bỏ thanh toán giao dịch do lỗi của thành viên giao dịch, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

3. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội các giao dịch xử lý lỗi sau giao dịch.

Điều 18. Xử lý trường hợp mất khả năng thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Ngân hàng thanh toán cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp vay tiền thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong trường hợp thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp tạm thời mất khả năng thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên cơ sở thỏa thuận hỗ trợ thanh toán ký kết giữa các bên phù hợp với quy định pháp luật về các tổ chức tín dụng, quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp thỏa thuận hỗ trợ thanh toán nêu tại khoản 1 có quy định sử dụng chứng khoán của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đã lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện phong tỏa, giải tỏa, chuyển chứng khoán theo đề nghị của ngân hàng thanh toán.

Điều 19. Loại bỏ thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam loại bỏ thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong các trường hợp sau:

- a) Các giao dịch quy định tại khoản 1 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 Thông tư này;
- b) Giao dịch mà thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp không gửi xác nhận chấp thuận kết quả giao dịch và nghĩa vụ thanh toán, không hoàn tất thanh toán trong thời hạn quy định tại quy chế hướng dẫn hoạt động đăng ký, hủy đăng ký, điều chỉnh thông tin đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- c) Các trường hợp loại bỏ thanh toán theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền xác định trước khi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoàn tất thanh toán.

2. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, các tổ chức liên quan sau khi thực hiện loại bỏ thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

3. Bên phát sinh lỗi dẫn tới giao dịch bị loại bỏ thanh toán phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh cho khách hàng hoặc thành viên đối ứng có liên quan do giao dịch không được thanh toán. Mức bồi thường do các bên tự thỏa thuận theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 20. Trách nhiệm giám sát hoạt động đăng ký, lưu ký, giao dịch, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Thành viên giao dịch, thành viên lưu ký giám sát nhà đầu tư mở tài khoản tuân thủ quy định về tư cách và trách nhiệm của nhà đầu tư khi tham gia hoạt động giao dịch, thanh toán giao dịch và chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán giám sát việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, quy định tại Thông tư này và quy chế nghiệp vụ để triển khai công tác giám sát giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, Sở Giao dịch Chứng khoán có văn bản yêu cầu doanh nghiệp phát hành và cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin (nếu cần thiết), xử lý theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý tùy theo mức độ vi phạm.

3. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam giám sát theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 41 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP đối với doanh nghiệp phát hành, thành viên lưu ký trong việc tuân thủ quy định tại Thông tư này, các quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh

ngiệp riêng lẻ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin (nếu cần thiết), xử lý theo quy chế của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý tùy theo mức độ vi phạm.

Chương III

HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN, CHẾ ĐỘ THÔNG BÁO, BÁO CÁO, CƠ CHẾ CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ CHÀO BÁN, GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Điều 21. Hình thức, phương thức công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành

1. Doanh nghiệp phát hành công bố thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu theo tối thiểu một trong các hình thức sau:

- a) Văn bản giấy;
- b) Văn bản điện tử;
- c) Đăng tải trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp phát hành.

2. Doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin theo hình thức văn bản điện tử cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để công bố thông tin trên Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

3. Doanh nghiệp phát hành có nghĩa vụ công bố thông tin theo đúng thời hạn và hình thức quy định đối với từng nội dung công bố thông tin. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, doanh nghiệp phát hành thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Mục 1

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Điều 22. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán (ngày bắt đầu đợt chào bán trái phiếu) theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hình thức công bố thông tin thực hiện theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Thông tư này.

Điều 23. Công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường

1. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu không còn dư nợ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Nội dung công bố thông tin định kỳ bao gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin định kỳ trên Chuyên trang thông tin trái phiếu doanh nghiệp theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

- a) Công bố thông tin về tình hình tài chính theo Mẫu số 4.1 - Phụ lục IV;
- b) Công bố thông tin về tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo Mẫu số 4.2 - Phụ lục IV;
- c) Công bố thông tin về tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu theo Mẫu số 4.3 - Phụ lục IV;

d) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu theo Mẫu số 4.4 - Phụ lục IV;

đ) Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu xanh theo Mẫu số 4.5 - Phụ lục IV. Đối với trái phiếu doanh nghiệp xanh, hàng năm doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin theo các Mẫu số 4.1, 4.2, 4.4, 4.5; kèm theo báo cáo tiến độ giải ngân, tiến độ thực hiện dự án và báo cáo tác động môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 31 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

3. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về lãi suất thực tế áp dụng cho kỳ tính lãi trong trường hợp trái phiếu có lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi, chậm nhất 01 ngày làm việc trước thời điểm thực hiện trả lãi cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu theo Mẫu số 4.6 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin về việc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà đầu tư, bao gồm việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc trái phiếu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu không còn dư nợ cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Mẫu số 4.7 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Nội dung công bố thông tin theo Mẫu số 5.1 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Hình thức công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.

Điều 24. Công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Công bố thông tin về kết quả thực hiện chuyển đổi trái phiếu theo Mẫu số 6.1 - Phụ lục VI;

b) Công bố thông tin về kết quả thực hiện quyền đối với trái phiếu kèm chứng quyền theo Mẫu số 6.2 - Phụ lục VI.

2. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Công bố thông tin trước đợt mua lại trái phiếu trước hạn cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu chậm nhất 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn theo Mẫu số 6.3 - Phụ lục VI;

b) Công bố thông tin về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chậm nhất 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn theo Mẫu số 6.4 - Phụ lục VI;

c) Công bố thông tin trước đợt hoán đổi trái phiếu cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu chậm nhất 10 ngày trước ngày hoán đổi trái phiếu theo Mẫu số 6.5 - Phụ lục VI;

d) Công bố thông tin về kết quả hoán đổi trái phiếu đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chậm nhất 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc hoán đổi trái phiếu theo Mẫu số 6.6 - Phụ lục VI.

3. Hình thức công bố thông tin:

a) Đối với công bố thông tin trước đợt mua lại trái phiếu trước hạn và trước đợt hoán đổi trái phiếu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này;

b) Đối với công bố thông tin về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của trái phiếu kèm chứng quyền, kết quả mua lại trái phiếu trước hạn và kết quả hoán đổi trái phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.

Mục 2

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Điều 25. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở Giao dịch Chứng khoán tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế (ngày bắt đầu đợt chào bán trái phiếu) theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hình thức công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư này.

Điều 26. Công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường

1. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường đến Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP và bao gồm các nội dung sau:

a) Công bố thông tin định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu không còn dư nợ trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin định kỳ gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin trên Chuyên trang thông tin trái phiếu doanh nghiệp theo Mẫu số 4.1, 4.2, 4.3 và 4.4 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Công bố thông tin về việc hoàn tất chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, kết quả mua lại trái phiếu trước hạn và kết quả hoán đổi trái phiếu (nếu có) theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo Mẫu số 6.1, 6.2, 6.4 và 6.6 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Công bố thông tin về việc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà đầu tư, bao gồm việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc trái phiếu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu không còn dư nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo Mẫu số 4.7 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 37 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo Mẫu số 5.2 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hình thức công bố thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư này.

Mục 3

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN HỒ SƠ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU, TỔ CHỨC ĐẦU THẦU, BẢO LÃNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU, TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ TRÁI PHIẾU, ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU, SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VÀ

TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Điều 27. Báo cáo của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu

1. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu gửi báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ hàng quý và hàng năm về tình hình tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo cáo năm và bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý. Thời hạn gửi báo cáo:

- a) Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý liền sau đối với báo cáo quý;
- b) Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

3. Nội dung báo cáo theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nơi nhận và hình thức gửi báo cáo: Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu gửi báo cáo bằng tệp dữ liệu điện tử qua hệ thống thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 28. Báo cáo của đại diện người sở hữu trái phiếu

1. Đại diện người sở hữu trái phiếu gửi báo cáo đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội định kỳ hàng quý, hàng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo cáo năm và bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý. Thời hạn gửi báo cáo:

- a) Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý liền sau đối với báo cáo quý;
- b) Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

3. Nội dung báo cáo định kỳ theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp phát hành có hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện các cam kết với nhà đầu tư, đại diện người sở hữu trái phiếu gửi báo cáo đột xuất đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện vi phạm.

5. Nơi nhận và hình thức gửi báo cáo: Đại diện người sở hữu trái phiếu gửi báo cáo bằng văn bản điện tử cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 29. Báo cáo của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu

1. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu gửi báo cáo đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội định kỳ hàng quý và hàng năm về tình hình cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số

200/2026/NĐ-CP.

2. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo cáo năm và bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý. Thời hạn gửi báo cáo:

- a) Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý liền sau đối với báo cáo quý;
- b) Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

3. Nội dung báo cáo theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nơi nhận và hình thức gửi báo cáo: Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu gửi báo cáo bằng văn bản điện tử cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 30. Báo cáo định kỳ của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp gồm chào bán tại thị trường trong nước và chào bán ra thị trường quốc tế đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Thời hạn gửi báo cáo:

- a) Đối với báo cáo quý, chậm nhất là ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý liền sau. Riêng đối với báo cáo cuối quý 2, thời hạn báo cáo chậm nhất là ngày 20 tháng 9 của năm báo cáo;
- b) Đối với báo cáo năm, chậm nhất là ngày 29 tháng 4 năm sau.

3. Nội dung báo cáo bao gồm:

a) Báo cáo về tình hình chào bán và giao dịch trái phiếu tại thị trường trong nước, tình hình chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế trong kỳ (lũy kế từ ngày 01 tháng 01 đến ngày kết thúc quý hoặc năm đó). Riêng đối với báo cáo cuối quý 2 và báo cáo năm, bổ sung nội dung về tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành. Nội dung báo cáo theo các biểu mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đánh giá, nhận xét về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp trong kỳ và lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo, bao gồm: tình hình chào bán trái phiếu doanh nghiệp; việc tuân thủ chế độ công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành; việc tuân thủ chế độ báo cáo của các tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu; tình hình giao dịch trái phiếu; tình hình thực hiện thanh toán lãi, gốc trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi, thực hiện quyền, mua lại trái phiếu trước hạn và hoán đổi trái phiếu;

c) Báo cáo về tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu, cơ cấu nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu, việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các tổ chức đăng ký, lưu ký (bao gồm Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) theo quy định tại Điều 32 Thông tư này. Việc báo cáo thực hiện cho đến thời điểm các tổ chức đăng ký, lưu ký (bao gồm Tổng công ty

Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) không còn nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại Điều 32 Thông tư này.

4. Nơi nhận và hình thức báo cáo: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội gửi báo cáo bằng văn bản điện tử đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (địa chỉ hòm thư: traiphieuriengle.hnx@ssc.gov.vn).

Điều 31. Báo cáo định kỳ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về tình hình đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, cơ cấu nhà đầu tư trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 39 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo cáo năm và bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý. Thời hạn gửi báo cáo:

- a) Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý liền sau đối với báo cáo quý;
- b) Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

3. Nội dung báo cáo định kỳ theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nơi nhận và hình thức báo cáo: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam gửi báo cáo bằng văn bản điện tử đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (địa chỉ hòm thư: traiphieuriengle.vsd@ssc.gov.vn).

Điều 32. Báo cáo của tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu

1. Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu gửi báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu, tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu, cơ cấu nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu, việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đối với trái phiếu đang được đăng ký, lưu ký tại tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu cho đến thời điểm các trái phiếu này không còn đăng ký, lưu ký tại tổ chức đăng ký, lưu ký.

2. Thời hạn gửi báo cáo:

- a) Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau đối với báo cáo quý;
- b) Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

3. Nội dung báo cáo định kỳ (lũy kế từ ngày 01 tháng 01 đến ngày kết thúc quý/năm) theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nơi nhận và hình thức báo cáo: Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu gửi báo cáo bằng văn bản điện tử cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

5. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này đối với các trái phiếu đã

phát hành trước khi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và đang được đăng ký, lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bảo chứng khoán Việt Nam cho đến khi các trái phiếu này không còn dư nợ.

Điều 33. Báo cáo của ngân hàng thanh toán

1. Ngân hàng thanh toán thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về hoạt động thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý; từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo cáo năm. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo quý gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 20 ngày đầu của tháng đầu tiên trong quý tiếp theo;

b) Báo cáo năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 90 ngày đầu của năm tiếp theo.

3. Ngân hàng thanh toán gửi báo cáo bất thường bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ khi không đáp ứng một trong những điều kiện làm ngân hàng thanh toán; gửi báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty Lưu ký và Bảo chứng khoán Việt Nam ngay lập tức khi hoạt động thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ bị tê liệt một phần hay toàn bộ.

4. Ngoài các trường hợp báo cáo định kỳ và bất thường quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này, trong trường hợp cần thiết, ngân hàng thanh toán phải báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử về hoạt động thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

5. Nơi nhận và hình thức báo cáo theo văn bản điện tử: Ngân hàng thanh toán gửi báo cáo bằng văn bản điện tử đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (địa chỉ hòm thư: traiphieuriengle.nhtt@ssc.gov.vn).

Mục 4

THÔNG BÁO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Điều 34. Thông báo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện gửi thông báo định kỳ hàng năm cho Bộ Tài chính về kết quả theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp phát hành là công ty không phải công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có trụ sở chính đặt tại địa phương để tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 44 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, cụ thể:

a) Kỳ thông báo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Thời hạn gửi thông báo chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm sau.

b) Nội dung thông báo định kỳ theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông tin khi có phát sinh về kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp phát hành là công ty không phải công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có trụ sở chính đặt tại địa phương cho Bộ Tài chính để tổng hợp, đánh giá chung tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp báo cáo Chính phủ.

3. Nơi nhận và hình thức gửi thông báo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông báo bằng văn bản điện tử cho Bộ Tài chính thông qua tài khoản tại Chuyên trang thông tin trái phiếu doanh nghiệp.

Mục 5

CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TỪ CHUYÊN TRANG THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP CHO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Điều 35. Trách nhiệm chia sẻ, tiếp nhận thông tin, dữ liệu trên Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chia sẻ thông tin, dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ từ Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 40 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận thông tin, dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đặt trụ sở chính tại địa phương, được chia sẻ từ Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 44 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận thông tin, dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được chia sẻ từ Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

Điều 36. Cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu từ Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đăng ký tài khoản tiếp nhận thông tin dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ từ Chuyên trang thông tin trái phiếu doanh nghiệp của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo mẫu tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chia sẻ thông tin, dữ liệu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban Chứng khoán Nhà nước qua tài khoản tại Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp, bao gồm:

a) Thông tin cơ bản về đợt chào bán (bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành; lĩnh vực hoạt động; vốn điều lệ; mã trái phiếu; số lượng dự kiến phát hành; giá trị dự kiến phát hành; kỳ hạn; đối tượng chào bán của từng mã trái phiếu; loại hình trái phiếu; lãi suất trái phiếu; Tổ chức tư vấn; Đại lý phát hành; Tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu; Tổ chức quản lý tài sản đảm bảo; Kết quả xếp hạng tín nhiệm (nếu có)) và Thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo mẫu tại Phụ lục XV ban hành kèm Thông tư này;

b) Công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành về tình hình tài chính theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Thông tư này;

c) Công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Thông tư này;

d) Công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành về tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu; về tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 23 Thông tư này;

đ) Công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Thông tư này;

e) Báo cáo của đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Thông tư này.

3. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 40 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 và thay thế cho Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2023 và Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2024.

2. Đối với các doanh nghiệp phát hành đã thay đổi thông tin điều kiện, điều khoản trái phiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 5, các khoản 5 và khoản 6 Điều 50 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP dẫn đến giảm số lượng trái phiếu đăng ký nhưng chưa thực hiện điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp phát hành phải thực hiện điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Kể từ thời điểm chính thức triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, các hoạt động nhận, đối chiếu, thông báo kết quả giao dịch trái phiếu

doanh nghiệp riêng lẻ, xử lý lỗi sau giao dịch, loại bỏ thanh toán giao dịch, xác định và thông báo nghĩa vụ thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại Thông tư này do Công ty Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện trên cơ sở phân công của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, các doanh nghiệp phát hành, tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. ✓

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử UBCKNN;
- Lưu: VT, UBCK (60b). *mm*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

Phụ lục I

THÔNG TIN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 138/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Thông tin về doanh nghiệp

1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp

- Tên đầy đủ:
- Tên tiếng Anh:
- Trụ sở chính, số điện thoại:
- Địa chỉ thư điện tử nhận hóa đơn điện tử:
- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác:
- Mã số thuế:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Người đại diện liên hệ:

1.2. Thông tin về loại hình doanh nghiệp

- Công ty đại chúng (niêm yết/đăng ký giao dịch):
- Công ty cổ phần chưa đại chúng:
- Công ty trách nhiệm hữu hạn:

1.3. Thông tin về lĩnh vực hoạt động

- Tín dụng
- Kinh doanh chứng khoán
- Bất động sản
- Xây dựng
- Sản xuất
- Thương mại, dịch vụ
- Bảo hiểm
- Năng lượng
- Lĩnh vực khác

2. Thông tin về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

2.1. Thông tin về tổng số lượng và giá trị trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phát hành

- Tổng số lượng và giá trị trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phát hành:

- Tổng số lượng và giá trị trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phát hành theo từng loại (trái phiếu tự do chuyển nhượng, trái phiếu chuyển nhượng có điều kiện, trái phiếu có bảo đảm, trái phiếu kèm chứng quyền, trái phiếu chuyển đổi...):

- Số lượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ:

2.2. Thông tin về loại trái phiếu

- Trái phiếu chuyển đổi/Trái phiếu kèm chứng quyền/Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền;

- Trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm: Có/Không;

- Trái phiếu có tài sản bảo đảm: Có/Không;

- Trái phiếu có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng: Có/Không.

2.3. Thông tin về các điều kiện, điều khoản của trái phiếu

- Kỳ hạn trái phiếu:

- Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu:

- Mệnh giá trái phiếu:

- Hình thức trái phiếu:

- Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:

- Phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu:

3. Thông tin về người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

3.1. Danh sách người sở hữu trái phiếu

3.2. Người sở hữu trái phiếu là cá nhân

- Họ, tên:

- Thông tin nhận diện theo quy định tại mục 3.4 Phụ lục này:

- Địa chỉ liên hệ:

- Địa chỉ thư điện tử:

- Điện thoại:

- Quốc tịch:

- Loại hình sở hữu (trong nước, ngoài nước):

- Số lượng và loại trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sở hữu:

- Tài khoản lưu ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong trường hợp người sở hữu trái phiếu có nhu cầu đăng ký trái phiếu đồng thời với lưu ký trái phiếu:

3.3. Người sở hữu trái phiếu là tổ chức

- Tên tổ chức:

- Thông tin nhận diện theo quy định tại mục 3.4 Phụ lục này:

- Địa chỉ liên hệ:

- Địa chỉ thư điện tử:
- Điện thoại:
- Loại hình sở hữu (trong nước, ngoài nước):
- Thông tin nhà đầu tư phân theo loại hình doanh nghiệp:
 - + Công ty đại chúng
 - + Công ty cổ phần chưa đại chúng
 - + Công ty trách nhiệm hữu hạn
 - + Doanh nghiệp nhà nước
 - + Doanh nghiệp tư nhân
 - + Công ty hợp danh
- Thông tin nhà đầu tư phân theo lĩnh vực hoạt động:
 - + Tổ chức tín dụng
 - + Kinh doanh chứng khoán
 - + Bất động sản
 - + Xây dựng
 - + Sản xuất
 - + Thương mại, dịch vụ
 - + Bảo hiểm
 - + Quỹ đầu tư
 - + Năng lượng
 - + Lĩnh vực khác
- Nhà đầu tư chuyên nghiệp/chiến lược: Có/Không
- Số lượng và loại trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sở hữu:
- Tài khoản lưu ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong trường hợp người sở hữu trái phiếu có nhu cầu đăng ký trái phiếu đồng thời với lưu ký trái phiếu

(Do người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ có thể sở hữu nhiều chứng khoán khác và mở nhiều tài khoản tại nhiều thành viên lưu ký nên đối với thông tin về người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ bao gồm các thông tin về nhà đầu tư phân theo loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực hoạt động, địa chỉ liên hệ, địa chỉ thư điện tử, điện thoại, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo dõi và quản lý các thông tin này theo thông tin cập nhật mới nhất từ phía doanh nghiệp phát hành/thành viên lưu ký).

3.4. Thông tin nhận diện tổ chức, cá nhân sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

Thông tin nhận diện người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ là số hiệu, ngày cấp các loại giấy tờ còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam

hoặc nước ngoài cấp cho tổ chức, cá nhân sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ghi nhận để theo dõi, xác định và quản lý thông tin người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên hệ thống của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, cụ thể:

- Đối với cá nhân trong nước: Số định danh cá nhân;
- Đối với tổ chức trong nước: Số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác và ngày cấp;
- Đối với tổ chức là Thành viên lưu ký của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam: Số Giấy chứng nhận thành viên lưu ký do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp và ngày cấp;
- Đối với cá nhân/tổ chức nước ngoài: Mã số giao dịch chứng khoán (trading code) và ngày cấp;
- Các giấy tờ khác có giá trị tương đương theo quy định pháp luật.

Phụ lục II

THÔNG TIN BỔ SUNG KHI ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN NHÀ ĐẦU TƯ THAM GIA GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 138/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

1. Thông tin nhà đầu tư phân theo loại hình doanh nghiệp (đối với nhà đầu tư tổ chức)

- Công ty đại chúng:
- Công ty cổ phần chưa đại chúng:
- Công ty trách nhiệm hữu hạn:
- Doanh nghiệp nhà nước:
- Doanh nghiệp tư nhân:
- Công ty hợp danh:

2. Thông tin nhà đầu tư phân theo lĩnh vực hoạt động (đối với nhà đầu tư tổ chức)

- Tổ chức tín dụng:
- Kinh doanh chứng khoán:
- Bất động sản:
- Xây dựng:
- Sản xuất:
- Thương mại, dịch vụ:
- Bảo hiểm:
- Quỹ đầu tư:
- Năng lượng:
- Lĩnh vực khác:

3. Tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, trong đó bao gồm thông tin ngày xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và ngày hết hạn (nếu có)

Phụ lục III

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRƯỚC ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 138/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC/CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

..., ngày ... tháng ... năm ...

DOANH NGHIỆP:

Phần 1

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

I. Thông tin về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp:
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số ... do Sở Tài chính tỉnh/đơn vị cấp lần đầu ngày ... cấp thay đổi lần thứ ... ngày ...
3. Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:
4. Loại hình doanh nghiệp:
5. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:
6. Tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: ... (Có/Không)

II. Thông tin về đợt chào bán

1. Mã trái phiếu (*nguyên tắc đánh mã trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước*):
2. Thị trường phát hành (*đối với chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế*):
3. Tổng số lượng trái phiếu phát hành (trái phiếu):
4. Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá): số lượng trái phiếu phát hành x mệnh giá:
5. Kết quả xếp hạng tín nhiệm trong trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định của pháp luật; hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm (nếu có) trong trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm.

☐ Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm

- ☐ Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm
- ☐ Không có xếp hạng tín nhiệm

(Nếu có xếp hạng tín nhiệm thì nêu cụ thể kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành hoặc trái phiếu phát hành tại thời điểm công bố thông tin, ngày công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm và tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm)

6. Loại hình trái phiếu (*trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu có bảo đảm, trái phiếu kèm chứng quyền, trái phiếu không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, trái phiếu không có bảo đảm*):

7. Thời gian dự kiến tổ chức đợt chào bán (thời gian thu tiền mua trái phiếu từ các nhà đầu tư): từ ngày ... đến ngày ...

8. Số tài khoản/tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán

- Tên tài khoản của doanh nghiệp phát hành:
- Số tài khoản của doanh nghiệp phát hành:
- Mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

9. Các tổ chức liên quan đến đợt chào bán:

a) Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán:

- Công ty: (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

b) Tổ chức bảo lãnh phát hành chính (nếu có):

- Công ty: (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

c) Tổ chức đồng bảo lãnh phát hành (nếu có):

- Công ty: (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

- Công ty: (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

d) Tổ chức đại lý phát hành (nếu có):

- Công ty: (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

đ) Tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có):

- Công ty: (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

e) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận tiền mua trái phiếu của nhà đầu tư:

- Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

g) Tổ chức đại lý quản lý tài sản bảo đảm đối với trái phiếu có bảo đảm (nếu có):

- Công ty: (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

h) Tổ chức xếp hạng tín nhiệm (nếu có):

- Công ty: (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

i) Tổ chức tư vấn, chứng nhận tiêu chuẩn phát hành trái phiếu xanh (đối với phát hành trái phiếu xanh):

- Công ty: (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

k) Các tổ chức khác liên quan đến đợt chào bán trái phiếu (nếu có):

- Công ty: (ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Phần 2

NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Doanh nghiệp phát hành:

- Ông/Bà: Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

- Ông/Bà: Chức vụ: Giám đốc (Tổng giám đốc)

- Ông/Bà: Chức vụ: Kế toán trưởng (Giám đốc Tài chính)

- Ông/Bà: Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát (nếu có)

- Ông/Bà: Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban kiểm toán (nếu có)

- Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền): Ông/Bà: Chức vụ: ...

Theo Giấy ủy quyền số ... ngày ... tháng ... năm ... của Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đại diện được ủy quyền).

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm tập thể và cá nhân trước pháp luật về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu

- Tên tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu:

- Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền): Ông/Bà:
Chức vụ: ...

Theo Giấy ủy quyền số ... ngày ... tháng ... năm ... của Người đại diện theo pháp luật (*trường hợp đại diện được ủy quyền*).

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán trái phiếu riêng lẻ (*tên Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu*) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số ... ngày ... tháng ... năm ... với ... (*tên Tổ chức phát hành*).

Căn cứ quy định tại Nghị định số 200/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp, (*tên Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu*) đã rà soát, kiểm tra các thông tin trong hồ sơ chào bán trái phiếu của (*tên Tổ chức phát hành*) trên cơ sở các thông tin, số liệu, tài liệu do (*tên Tổ chức phát hành*) cung cấp, bảo đảm việc phân tích, đánh giá được thực hiện hợp lý và cẩn trọng. (*Tên Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu*) chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi tư vấn liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo.

3. Địa chỉ liên hệ của doanh nghiệp phát hành để cung cấp các hồ sơ chào bán trái phiếu, trong đó bao gồm hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt chào bán trái phiếu theo yêu cầu của nhà đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP:

- Họ và tên:
- Chức vụ:
- Số điện thoại:
- Địa chỉ liên hệ:
- Địa chỉ thư điện tử:

Phần 3

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: *nêu rõ tên doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp (công ty đại chúng, công ty cổ phần chưa đại chúng, công ty trách nhiệm hữu hạn), ngành nghề kinh doanh chính, thời gian hoạt động kể từ ngày được cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là doanh nghiệp hình thành sau tổ chức lại doanh nghiệp, nêu rõ tên doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật, ngành nghề kinh doanh trước khi tổ chức lại.*

2. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp:

a) Nêu rõ về tổ chức, bộ máy:

b) Vị trí của doanh nghiệp (Doanh nghiệp độc lập hay doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con):

- Trường hợp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con: danh sách công ty mẹ và công ty con của doanh nghiệp phát hành, những công ty mà doanh nghiệp phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với doanh nghiệp phát hành;

- Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Ủy ban kiểm toán, Kế toán trưởng: (Họ và tên; Năm sinh; Quốc tịch; Trình độ văn hoá; Trình độ/lĩnh vực chuyên môn; Chức vụ hiện nay tại tổ chức).

3. Tóm tắt hoạt động kinh doanh chính và/hoặc các dự án chính đã/đang triển khai của doanh nghiệp phát hành.

4. Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức (nêu rõ tỷ lệ lợi nhuận đã chia hoặc tỷ lệ cổ tức trong hai năm liền kề trước năm phát hành và các chính sách liên quan đến việc chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức): Chỉ áp dụng đối với trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc kèm theo chứng quyền.

5. Tình hình tài chính

a) Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong 3 năm liền kề trước năm phát hành theo báo cáo tài chính (*trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, các chỉ tiêu tài chính sử dụng số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất, đồng thời ghi rõ nguồn báo cáo; trường hợp doanh nghiệp phát hành có thời gian hoạt động chưa đủ 03 năm tính đến năm phát hành, doanh nghiệp công bố số liệu tài chính theo số năm hoạt động thực tế kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và ghi rõ lý do*)

5.1. Đối với doanh nghiệp phát hành không phải là tổ chức tín dụng

Chỉ tiêu	Năm ...	Năm...	Năm...
1. Tổng tài sản (đồng)			
- Tài sản ngắn hạn:			
- Tài sản dài hạn:			
2. Vốn chủ sở hữu (đồng)			
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế			
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
- Chênh lệch tỷ giá			
- ...			
3. Tổng số nợ phải trả (đồng)			
- Nợ vay ngân hàng			
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu			

Chỉ tiêu	Năm ...	Năm...	Năm...
+ Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước + Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước + Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế - Nợ phải trả khác <i>(Nêu cụ thể các khoản nợ phải trả)</i> - Các khoản nợ phải trả quá hạn (nếu có) 4. Cơ cấu vốn (lần): - Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản - Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu 5. Khả năng thanh toán (lần): - Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) - Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn) - Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay) 6. Tổng dư nợ trái phiếu/vốn chủ sở hữu (lần): - Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/Vốn chủ sở hữu - Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/Vốn chủ sở hữu 7. Lợi nhuận (đồng): - Lợi nhuận/Lỗ trước thuế - Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính - Lỗ lũy kế (nếu có) 8. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%): - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu 9. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có)			

5.2. Đối với doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng

Chỉ tiêu	Năm ...	Năm...	Năm...
1. Chỉ tiêu về vốn - Vốn điều lệ - Vốn tự có - Tỷ lệ an toàn vốn 2. Chất lượng tài sản - Tỷ lệ nợ quá hạn - Tỷ lệ nợ xấu - (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản - Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng 3. Khả năng thanh khoản - Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân			

Chỉ tiêu	Năm ...	Năm...	Năm...
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn			
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi			
4. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu bình quân			
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân			
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):			
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):			
- Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân			
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)			
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập			
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế			

(Tổ chức tín dụng xác định các chỉ tiêu nêu trên áp dụng theo các quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Ghi chú:

* Số liệu về tình hình tài chính được tính toán từ báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện.

** Nợ phải trả khác = Tổng số nợ phải trả - Nợ vay Ngân hàng – Nợ vay từ phát hành trái phiếu.

*** Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, chỉ tiêu lợi nhuận/lỗ sau thuế là chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ tại BCTC hợp nhất.

**** Đối với các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành có quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính, phải nêu rõ: loại hình doanh nghiệp, các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định tại pháp luật nào chuyên ngành, các chỉ tiêu theo báo cáo tài chính được kiểm toán là bao nhiêu và nêu rõ doanh nghiệp có đáp ứng được chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật không.

b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu đã phát hành và đến hạn thanh toán và các khoản nợ đến hạn (không bao gồm nợ trái phiếu) trong 03 năm liên tiếp liền kề trước đợt chào bán trái phiếu (trong đó nêu chi tiết việc có thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi hay không).

6. Tình hình phát hành và sử dụng vốn đối với các trái phiếu còn dư nợ (cụ thể từng loại trái phiếu gồm: trái phiếu phát hành riêng lẻ, phát hành ra công chúng, trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế):

- Tổng khối lượng trái phiếu đã phát hành:
- Tổng giá trị trái phiếu đã phát hành:
- Lãi, gốc trái phiếu đã thanh toán:
- Dư nợ trái phiếu còn lại:
- Tình hình sử dụng vốn trái phiếu và kế hoạch thanh toán lãi, gốc trái phiếu:

- Vi phạm pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cơ quan nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu (nếu có): nêu rõ loại vi phạm, cơ quan ra quyết định vi phạm, biện pháp khắc phục, tình trạng đã khắc phục.

7. Ý kiến kiểm toán/ý kiến soát xét đối với báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật (*trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán, doanh nghiệp phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ (nếu có)*)

II. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Căn cứ pháp lý của đợt chào bán (nêu đầy đủ căn cứ pháp lý).

2. Việc đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp: (*nếu rõ việc đáp ứng từng điều kiện chào bán trái phiếu kèm theo hồ sơ và tài liệu chứng minh theo quy định của pháp luật*)

3. Mục đích của đợt phát hành trái phiếu (*nêu rõ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP*)

(*Liệt kê chi tiết các tài liệu pháp lý về mục đích phát hành trái phiếu đính kèm tại Phụ lục 7 của Bản công bố thông tin*)

4. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu, cụ thể:

a) Khối lượng trái phiếu dự kiến phát hành:

- Số lượng trái phiếu dự kiến phát hành (trái phiếu):

- Giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá (đồng):

b) Kỳ hạn trái phiếu:

c) Đồng tiền phát hành và thanh toán:

d) Mệnh giá:

đ) Hình thức trái phiếu:

e) Lãi suất danh nghĩa dự kiến: (*trường hợp lãi suất thả nổi, lãi suất kết hợp thì nêu cách thức xác định lãi suất*)

g) Loại hình trái phiếu:

h) Phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu:

5. Ngày phát hành dự kiến (*nêu rõ ngày, tháng, năm cụ thể*):

6. Thị trường phát hành (*đối với phát hành ra thị trường quốc tế*):

7. Phương thức phát hành:

8. Đối tượng chào bán trái phiếu theo quy định của pháp luật (*đánh dấu cụ thể những đối tượng chào bán trái phiếu*):

☐ Nhà đầu tư chứng khoán chuyên

☐ Nhà đầu tư chiến lược là tổ chức

ng nghiệp là tổ chức

☐ Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân ☐ Nhà đầu tư chiến lược là cá nhân

9. Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư:

Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (doanh nghiệp phải nêu đầy đủ, chi tiết các quyền lợi, trách nhiệm của nhà đầu tư, trong đó nêu cụ thể tỷ lệ biểu quyết chấp thuận các vấn đề phải được người sở hữu trái phiếu thông qua nhưng không thấp hơn tỷ lệ biểu quyết tương ứng từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP).

Nhà đầu tư có quyền được yêu cầu tiếp cận hồ sơ chào bán trái phiếu của doanh nghiệp trong đó bao gồm hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt chào bán trái phiếu và thực hiện các quyền lợi, trách nhiệm khác theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 9 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

10. Phương thức thực hiện quyền (*trong trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, phát hành trái phiếu kèm chứng quyền*).

- Các quyền kèm theo trái phiếu;
- Điều kiện, thời gian thực hiện quyền;
- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá mua và/hoặc chuyển đổi;
- Phương pháp tính và cách thức đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền;
- Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu chứng quyền.

11. Cam kết về bảo đảm (*trong trường hợp phát hành trái phiếu có bảo đảm*).

- Hình thức bảo đảm (*bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần lãi, gốc bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo cam kết bảo lãnh giữa tổ chức bảo lãnh thanh toán và tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật*):

- Tài sản bảo đảm (*liệt kê chi tiết tài sản, giá trị tài sản, tình trạng pháp lý của tài sản, tên tổ chức định giá, hợp đồng bảo hiểm (nếu có), thông tin đăng ký biện pháp bảo đảm, thứ tự thanh toán của nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ...)*:

- Tài liệu về tài sản bảo đảm (*liệt kê chi tiết các tài liệu về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, tài liệu định giá tài sản bảo đảm bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá và tài liệu về đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm đính kèm tại Phụ lục 8 của Bản công bố thông tin*):

S T T	Hình thức bảo đảm	Loại tài sản bảo đảm (nếu có) (Chứng khoán/Bất động sản/Chương trình dự án/Tài sản cố định/Khác)	Liệt kê chi tiết tài sản bảo đảm /Hợp đồng bảo lãnh thanh toán (nếu có) *	Giá trị tài sản bảo đảm hoặc Giá trị được bảo lãnh thanh toán theo hợp đồng (đồng)	Tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm hoặc Giá trị được bảo lãnh thanh toán theo hợp đồng/Tổng giá trị phát hành dự kiến (%)	Thông tin chi tiết về hình thức bảo đảm (liệt kê chi tiết tên tổ chức định giá, cách tính, thông tin đăng ký biện pháp bảo đảm, thứ tự thanh toán của nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ...)
	Bảo đảm bằng tài sản					
1	Bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành					
2	Bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ					
	Bảo lãnh thanh toán					
3	Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài					
4	Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật					

(*) Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm/hợp đồng bảo lãnh thanh toán, đề nghị tách các dòng riêng biệt

12. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nếu rõ phương án mua lại hoặc hoán đổi).

13. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với phát hành trái phiếu

chuyển đổi và phát hành trái phiếu kèm chứng quyền.

14. Kết quả xếp hạng tín nhiệm trong trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định của pháp luật; hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm (nếu có) trong trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm.

- ☐ Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm
- ☐ Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm
- ☐ Không có xếp hạng tín nhiệm

(Nếu có xếp hạng tín nhiệm thì nêu cụ thể kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành hoặc trái phiếu phát hành tại thời điểm công bố thông tin, ngày công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm và tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm).

15. Ý kiến của tổ chức xác nhận việc đáp ứng các tiêu chí về phát hành trái phiếu xanh (trong trường hợp chào bán trái phiếu xanh).

16. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu.

17. Cam kết của doanh nghiệp phát hành trái phiếu.

18. Các điều khoản và điều kiện khác (nếu có).

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN VÀ KẾ HOẠCH THANH TOÁN GỐC LÃI CHO NHÀ ĐẦU TƯ

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu: *(nêu rõ thời gian và giá trị giải ngân nguồn vốn từ phát hành trái phiếu).*

1.1. Thông tin về dự án đầu tư sử dụng vốn/khoản nợ cần tái cơ cấu từ nguồn vốn phát hành trái phiếu, bao gồm:

a) Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn:

- Cơ sở pháp lý để triển khai dự án đầu tư: các tài liệu pháp lý để triển khai dự án theo quy định (quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, tài liệu pháp lý về quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép xây dựng...tùy từng trường hợp dự án áp dụng), đồng thời cập nhật tình hình phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

- Tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm công bố thông tin (các hạng mục đã hoàn thành, đang triển khai, dự kiến triển khai, thời gian dự kiến đưa vào hoạt động, khai thác), giải trình những thay đổi so với phương án đã phê duyệt (nếu có);

- Tổng số tiền dự kiến thu được phân bổ theo từng mục đích sử dụng (hạng mục cụ thể, thời gian dự kiến giải ngân theo từng hạng mục). Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, nêu thứ tự mục đích ưu tiên, số tiền và nguồn tài trợ khác cần có;

- Tình hình thu xếp vốn đối với dự án đầu tư (nêu rõ vốn tự có, vốn vay, vốn huy động khác...); giải trình những thay đổi về tổng vốn đầu tư, cơ cấu vốn so với phương án đã được phê duyệt; phương án bù đắp vốn trong trường hợp điều chỉnh tổng mức đầu tư, cơ cấu vốn;

- Tổng số tiền dự kiến thu được phân bổ theo từng mục đích sử dụng (hạng

mục cụ thể, thời gian dự kiến giải ngân theo từng hạng mục). Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, nêu thứ tự mục đích ưu tiên, số tiền và nguồn tài trợ khác cần có.

- Các rủi ro đầu tư của dự án.

b) Đối với khoản nợ được cơ cấu lại:

- Giá trị của khoản nợ;

- Kỳ hạn của khoản nợ được cơ cấu.

1.2. Thông tin về mục đích sử dụng vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

1.3. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhàn rỗi trong trường hợp giải ngân theo tiến độ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu.

2. Phương thức, kế hoạch, dự kiến dòng tiền thanh toán gốc, lãi cho nhà đầu tư:

- Phương thức, kế hoạch, dự kiến dòng tiền thanh toán gốc, lãi trái phiếu.

- Lịch trả gốc/lãi dự kiến; dòng tiền dự phóng của doanh nghiệp trong suốt kỳ hạn trái phiếu.

- Riêng đối với trái phiếu xanh, ngoài việc nêu rõ phương thức, kế hoạch, dự kiến dòng tiền thanh toán gốc, lãi cho nhà đầu tư còn phải nêu rõ danh mục dự án sử dụng vốn thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; quy trình hạch toán, quản lý, giải ngân vốn từ đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

3. Đánh giá về tình hình tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp, khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành.

IV. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Nêu rõ tên, mã số thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, người đại diện theo pháp luật/người được ủy quyền của các tổ chức liên quan đến đợt chào bán: tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu; tổ chức đấu thầu, bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành (nếu có); tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có); ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận tiền mua trái phiếu của nhà đầu tư, tổ chức quản lý tài sản bảo đảm (nếu có), tổ chức xếp hạng tín nhiệm (nếu có) ...

V. CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

Doanh nghiệp phát hành thống kê, giải thích các yếu tố rủi ro có thể xảy ra ảnh hưởng đến doanh nghiệp và đợt phát hành trái phiếu, bao gồm các rủi ro về luật pháp, rủi ro về đầu tư, rủi ro về hoạt động sản xuất kinh doanh, rủi ro về tài chính, rủi ro sử dụng vốn, rủi ro khác.

VI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ

CHỨC PHÁT HÀNH (NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN); TỔ CHỨC TƯ VẤN HỒ SƠ CHÀO BÁN; TỔ CHỨC ĐẦU THẦU PHÁT HÀNH (nếu có); TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH (nếu có); TỔ CHỨC ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH (nếu có) và NGÀY THÁNG, CHỨC DANH, CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI LẬP BIỂU

VII. PHỤ LỤC

(Kèm theo Bản công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu)

1. Phụ lục 1: Bản gốc, bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương; Bản gốc, bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ Quyết định bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật, Kế toán trưởng của doanh nghiệp.

2. Phụ lục 2: Bản gốc, bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ Điều lệ công ty.

3. Phụ lục 3: Bản gốc, bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ Báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện.

4. Phụ lục 4: Báo cáo định kỳ của kỳ gần nhất về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với các trái phiếu còn dư nợ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện (nếu có).

5. Phụ lục 5: Bản gốc, bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ đối với Phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận kèm theo văn bản phê duyệt, chấp thuận.

6. Phụ lục 6: Bản gốc, bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ đối với công văn xác nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khối lượng phát hành nằm trong hạn mức vay thương mại quốc gia (trường hợp phát hành ra thị trường quốc tế).

7. Phụ lục 7: Các tài liệu pháp lý về mục đích phát hành trái phiếu theo nội dung nêu tại mục II.3.

8. Phụ lục 8: Tài liệu về tài sản bảo đảm (trong trường hợp trái phiếu có tài sản bảo đảm) theo nội dung nêu tại mục II.11.

9. Phụ lục 9: Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu đăng ký chào bán trong trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định của pháp luật;

10. Phụ lục 10: Văn bản xác nhận của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc doanh nghiệp mở tài khoản để nhận tiền mua trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền hoặc mở tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của đợt chào bán; hoặc văn bản thông báo số tài khoản nhận tiền của ngân hàng thương mại trường hợp tổ chức phát hành là ngân hàng thương mại (trong trường hợp phát hành trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước).

11. Phụ lục 11: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật (trong trường hợp phát sinh).

12. Phụ lục 12: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.

13. Phụ lục 13: Bản gốc, bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu.

14. Các phụ lục khác (nếu có).

() Trường hợp có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố trước khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu, doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại Điều 32 và Điều 37 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).*

*(**) Sở Giao dịch Chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin để thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 38 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, không hàm ý Sở Giao dịch Chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp.*

Phụ lục IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~138~~2026/TT-BTC ngày ~~25~~ tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Số mẫu biểu	Tên mẫu biểu
Mẫu số 4.1	Công bố thông tin về tình hình tài chính
Mẫu số 4.2	Công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu
Mẫu số 4.3	Công bố thông tin về tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu
Mẫu số 4.3.1	Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu
Mẫu số 4.4	Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu
Mẫu số 4.5	Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu xanh
Mẫu số 4.6	Công bố thông tin về lãi suất thực tế áp dụng cho kỳ tính lãi trái phiếu
Mẫu số 4.7	Công bố thông tin về việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà đầu tư đối với trái phiếu không còn dư nợ

Mẫu số 4.1: Công bố thông tin về tình hình tài chính**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v công bố thông tin về tình
hình tài chính

..., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên doanh nghiệp phát hành...) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số ... do Sở Tài chính tỉnh/ đơn vị cấp lần đầu ngày ..., cấp thay đổi lần thứ ... ngày ...

- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:

- Loại hình doanh nghiệp:

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Tình hình tài chính

- Kỳ báo cáo: kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm/kỳ báo cáo năm (từ ngày... đến ngày...). Trong đó: đối với kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi còn dư nợ trái phiếu trong kỳ báo cáo. Đối với kỳ báo cáo năm, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi còn dư nợ trong 06 tháng cuối năm.

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo (*trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, các chỉ tiêu tài chính sử dụng số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất, đồng thời ghi rõ nguồn báo cáo*):

2.1. Đối với doanh nghiệp phát hành không phải là tổ chức tín dụng

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước*
1. Chỉ tiêu về vốn (đồng) - Vốn chủ sở hữu - Vốn đầu tư của chủ sở hữu - Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối - Chênh lệch đánh giá lại tài sản - Chênh lệch tỷ giá - ...		
2. Chỉ tiêu về nợ phải trả (đồng) - Tổng số nợ phải trả		

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước*
- Nợ vay ngân hàng - Nợ vay từ phát hành trái phiếu + Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước + Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước + Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế - Nợ phải trả khác (Nêu cụ thể các khoản nợ phải trả) 3. Cơ cấu vốn (lần): - Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản - Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu 4. Khả năng thanh toán (lần): - Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) - Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho) / nợ ngắn hạn) - Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay) 5. Dự nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần): - Hệ số tổng dự nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu - Hệ số dự nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/vốn chủ sở hữu 6. Lợi nhuận (đồng): - Lợi nhuận/Lỗ trước thuế - Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính - Lỗ lũy kế (nếu có) 7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%): - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu 8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán...) (nếu có)		

2.2. Đối với doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước*
1. Chỉ tiêu về vốn - Vốn điều lệ (đồng) - Vốn tự có (đồng) - Tỷ lệ an toàn vốn 2. Chất lượng tài sản - Tỷ lệ nợ quá hạn - Tỷ lệ nợ xấu - (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản - Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng 3. Khả năng thanh khoản - Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân - Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn - Tỷ lệ dự nợ cho vay/Tổng tiền gửi 4. Kết quả hoạt động kinh doanh - Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu bình quân		

- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân		
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):		
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):		
- Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân		
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)		
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập		
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế		

Ghi chú:

* Kỳ trước là cùng kỳ 06 tháng của năm trước đối với kỳ báo cáo 06 tháng và cùng kỳ của năm trước đối với kỳ báo cáo năm.

** Số liệu về tình hình tài chính được tính toán từ báo cáo tài chính 06 tháng đã được soát xét/báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện.

*** Nợ phải trả khác = Tổng số nợ phải trả - Nợ vay Ngân hàng – Nợ vay từ phát hành trái phiếu

**** Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, chỉ tiêu lợi nhuận/lỗ sau thuế là chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ tại BCTC hợp nhất.

***** Đối với các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành có quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính, phải nêu rõ: loại hình doanh nghiệp, các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định tại pháp luật nào chuyên ngành, các chỉ tiêu theo báo cáo tài chính được kiểm toán là bao nhiêu và nêu rõ doanh nghiệp có đáp ứng được chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật không.

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính 06 tháng đã được soát xét/báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện: (nêu rõ tên tổ chức kiểm toán và ý kiến của tổ chức kiểm toán. Trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ, doanh nghiệp phát hành cung cấp tài liệu giải thích hợp lý về việc khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ.)

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- Nội dung báo cáo:

Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu của (...tên doanh nghiệp phát hành...)

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng) *	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng) *	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa **	Ngày thanh toán theo kế hoạch **	Ngày thanh toán thực tế **	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) * (1) = (2) + (3) + (4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) * (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
1				Lãi	dd/mm/yyyy***	dd/mm/yyyy	dd/mm/yyyy							
2				...	...	...	...							
3				Gốc	dd/mm/yyyy	dd/mm/yyyy	dd/mm/yyyy							
...				...	...	...	...							

Ghi chú:

* Đối với trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra thị trường quốc tế báo cáo theo số nguyên tệ;

** Ngày thanh toán danh nghĩa là ngày dự kiến trả lãi/trả gốc theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu;

Ngày thanh toán theo kế hoạch là ngày thanh toán danh nghĩa đã điều chỉnh theo lịch làm việc (theo nguyên tắc lấy ngày làm việc tiếp theo nếu ngày thanh toán danh nghĩa rơi vào ngày nghỉ);

Ngày thanh toán thực tế là ngày Tổ chức phát hành thực hiện thanh toán gốc/lãi cho người sở hữu trái phiếu.

*** Định dạng ngày: dd: ngày; mm: tháng; yyyy: năm.

**** Trường hợp thanh toán chậm hoặc thanh toán nhiều đợt, đề nghị điền ngày thanh toán thực tế gần nhất và ghi rõ thông tin các đợt đã và sẽ thanh toán trong mục "Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)".

***** Trường hợp thanh toán gốc, lãi trái phiếu bằng tài sản khác ngoài tiền mặt, đề nghị ghi rõ loại tài sản được sử dụng thay thế, ngày thanh toán thực tế và giá trị quy đổi bằng tiền mặt tương đương theo thỏa thuận giữa tổ chức phát hành và người sở hữu trái phiếu.

- (1) **Số tiền phải thanh toán** là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành có nghĩa vụ phải trả đối với từng Ngày thanh toán danh nghĩa;
- (2) **Số tiền đã thanh toán đúng hạn** là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành đã thanh toán trước hoặc trong Ngày thanh toán theo kế hoạch tính tới hết Ngày thống kê;
- (3) **Số tiền đã thanh toán chậm** là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành đã thanh toán nhưng sau Ngày thanh toán theo kế hoạch tính tới hết Ngày thống kê;
- (4) **Số tiền chưa thanh toán** là phần còn lại của Số tiền phải thanh toán trừ đi Số tiền thanh toán đúng hạn và Số tiền đã thanh toán chậm.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 4.3: Công bố thông tin về tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20...

V/v công bố thông tin
 về tình hình sử dụng số tiền thu
 được từ đợt chào bán trái phiếu

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (tên doanh nghiệp phát hành...) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu tại báo cáo (kèm theo Mẫu số 4.3.1 của Phụ lục này).

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
 NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

** Tài liệu kèm theo:*

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu theo mẫu số 4.3.1; Báo cáo tình hình sử dụng vốn phải được kiểm toán theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 31 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP;

**Mẫu số 4.3.1: Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được
từ đợt chào bán trái phiếu**

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO

Tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:

- Loại hình doanh nghiệp:

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu

- Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại ... (ghi rõ đối với từng mã trái phiếu).

- Điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu theo phương án đã được phê duyệt tại ... (ghi rõ đối với từng mã trái phiếu) (nếu có).

3. Tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu và tiến độ giải ngân số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu doanh nghiệp còn dư nợ:

Kỳ báo cáo: (Doanh nghiệp báo cáo tình hình sử dụng vốn từ khi phát hành cho tới khi giải ngân hết số tiền thu được hoặc cho đến khi doanh nghiệp phát hành không còn dư nợ trái phiếu tùy theo thời điểm nào đến trước. Đối với kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi chưa giải ngân hết số tiền thu được và còn dư nợ trái phiếu trong kỳ báo cáo. Đối với kỳ báo cáo năm, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi chưa giải ngân hết số tiền thu được và còn dư nợ trong 06 tháng cuối năm).

* Ghi chú: Doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm theo dõi việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu để làm cơ sở cho việc lập báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

3.1. Đối với doanh nghiệp phát hành không phải tổ chức tín dụng

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu (đồng)*		
			Lũy kế đến ngày ... (ngày liền kề trước kỳ báo cáo) (1)	Trong kỳ báo cáo (từ ngày ... đến ngày ...) (2)	Lũy kế đến ngày kết thúc kỳ báo cáo (3) = (1) + (2)
I.	Đối với các trái phiếu đã phát hành trước ngày Nghị định số 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực và còn dư nợ				
1.	Chương trình/ Dự án A				...
2.	Tăng quy mô vốn cho hoạt động sản xuất/ kinh doanh A				
3.	Cơ cấu lại khoản nợ				...
	- Khoản nợ A				
	- Khoản nợ B				
	...				
4.	Mục đích khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có)				
II.	Đối với các trái phiếu phát hành từ ngày Nghị định số 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực và còn dư nợ				
1.	Chương trình/ Dự án C				...
	...				
2.	Cơ cấu lại khoản nợ				
	- Khoản nợ D				
3.	Mục đích khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có)	...			
III.	Đối với các trái phiếu phát hành từ ngày Nghị định số 200/2026/NĐ-CP có hiệu lực				
1.	Dự án X				
					
2.	Cơ cấu lại khoản nợ				
	- Khoản nợ Y				
3.	Mục đích khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có)				
Tổng (I + II + III)					...

*Ghi chú: * Đối với trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra thị trường quốc tế, báo cáo theo số nguyên tệ.*

3.2. Đối với doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu (đồng)**		
			Lũy kế đến ngày ... (ngày liền kề trước kỳ báo cáo) (1)	Trong kỳ báo cáo (từ ngày ... đến ngày ...) (2)	Lũy kế đến ngày ... (ngày kết thúc kỳ báo cáo) (3) = (1) + (2)
I.	Tăng vốn cấp 2				...

1	Hoạt động cho vay				
	...				...
2	Hoạt động đầu tư				
	...				
3	Hoạt động kinh doanh khác theo pháp luật các tổ chức tín dụng				
	...				
II.	Mục đích khác theo pháp luật các tổ chức tín dụng				
1	...				
2	...				
Tổng (I+II)					

Ghi chú: ** Đối với trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra thị trường quốc tế, báo cáo theo số nguyên tệ.

4. Ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu: (nêu rõ tên tổ chức kiểm toán và ý kiến của tổ chức kiểm toán):

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của báo cáo nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 4.4: Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp
phát hành đối với người sở hữu trái phiếu**

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm 202...

V/v báo cáo tình hình thực hiện các
cam kết của doanh nghiệp phát hành
đối với người sở hữu trái phiếu

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (... tên doanh nghiệp phát hành...) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số:
Ngày cấp: Nơi cấp:
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Kỳ báo cáo: kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm/ kỳ báo cáo năm (từ ngày... đến ngày...)

(Đối với kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi còn dư nợ trái phiếu trong kỳ báo cáo. Đối với kỳ báo cáo năm, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi còn dư nợ trong 06 tháng cuối năm.)

3. Tình hình thực hiện quy định về công bố thông tin theo từng mã trái phiếu đang còn dư nợ:

STT	Mã trái phiếu	Tình hình thực hiện công bố thông tin định kỳ (tuân thủ/ không tuân thủ)	Tình hình thực hiện công bố thông tin về việc mua lại, hoán đổi, chuyển đổi, thực hiện quyền (nếu có) (tuân thủ/ không tuân thủ)	Tình hình thực hiện công bố thông tin bất thường (tuân thủ/ không tuân thủ)	Tình hình thực hiện công bố thông tin khác (tuân thủ/ không tuân thủ) (nếu có)
1					
2					

(Doanh nghiệp phải nêu cụ thể về việc tuân thủ, không tuân thủ các quy định; việc không tuân thủ đầy đủ quy định về công bố thông tin (công bố thiếu thông tin, công bố không đầy đủ theo các kỳ công bố...) được coi là không tuân thủ. Trường hợp không tuân thủ, đề nghị thuyết minh chi tiết nội dung không tuân thủ)

- Thuyết minh cụ thể tình hình thực hiện quy định về công bố thông tin:

4. Tình hình thực hiện các cam kết theo từng mã trái phiếu đang còn dư nợ:

Doanh nghiệp phát hành công bố cụ thể về việc tuân thủ các cam kết của doanh nghiệp phát hành theo phương án và nội dung công bố thông tin trước đợt phát hành:

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Nội dung	Chi tiết nội dung	Kết quả tuân thủ
1			Mục đích phát hành (Nêu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ
			Tài sản bảo đảm/bảo lãnh thanh toán (Nêu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ
			Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu (Nêu cụ thể)		Đủ/Chưa đủ; Đúng hạn/Chậm
			Cam kết mua lại trước hạn		Tuân thủ/Không tuân thủ
			Cam kết về chuyển đổi trái phiếu		Tuân thủ/Không tuân thủ
			Các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành (Nêu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ
2			Mục đích phát hành (Nêu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ
			Tài sản bảo đảm (Nêu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ
			Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu (Nêu cụ thể)		Đủ/Chưa đủ; Đúng hạn/Chậm
			Cam kết mua lại trước hạn		Tuân thủ/Không tuân thủ
			Cam kết về chuyển đổi trái phiếu		Tuân thủ/Không tuân thủ
			Các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành (Nêu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ
3	...				

(Doanh nghiệp phải nêu cụ thể về việc tuân thủ, không tuân thủ các cam kết. Trường hợp không tuân thủ, đề nghị thuyết minh chi tiết nội dung không tuân thủ)

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 4.5: Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu xanh

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO**Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu xanh****1. Thông tin về doanh nghiệp**

- Tên doanh nghiệp:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số:
- Ngày cấp: Nơi cấp:
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu

- Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại ... (ghi rõ đối với từng mã trái phiếu).
- Điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu theo phương án đã được phê duyệt tại ... (ghi rõ đối với từng mã trái phiếu) (nếu có).

3. Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu và tiến độ giải ngân số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn dư nợ:

Kỳ báo cáo: (Doanh nghiệp báo cáo tình hình sử dụng vốn từ khi phát hành cho tới khi giải ngân hết số tiền thu được hoặc cho đến khi doanh nghiệp phát hành không còn dư nợ trái phiếu tùy theo thời điểm nào đến trước. Đối với kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi chưa giải ngân hết số tiền thu được và còn dư nợ trái phiếu trong kỳ báo cáo. Đối với kỳ báo cáo năm, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi chưa giải ngân hết số tiền thu được và còn dư nợ trong 6 tháng cuối năm).

* Ghi chú: Doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm theo dõi việc sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu để làm cơ sở cho việc lập báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ theo quy định tại Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

3.1. Đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu xanh tại thị trường trong nước

S T T	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu cho các dự án đủ điều kiện				Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu					
						Lũy kế đến ngày ... (ngày liền trước kỳ báo cáo)		Trong kỳ báo cáo (từ ngày ... đến ngày ...)		Lũy kế đến ngày ... (ngày kết thúc kỳ báo cáo)	
	Dự án	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư (*)	Tiêu chí phân loại (**)	Xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh (***)		Số tiền đã được phân bổ (đồng)	Số tiền còn lại chưa được phân bổ (đồng)	Số tiền đã được phân bổ (đồng)	Số tiền còn lại chưa được phân bổ (đồng)	Số tiền đã được phân bổ (đồng)	Số tiền còn lại chưa được phân bổ (đồng)
1	Dự án xanh A				TPX1						
2	Dự án xanh A				TPX2						
3	Dự án xanh B				TPX3						
	...				...						
	...				...						
				Tổng				...	...	...	...

(*) Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư: Năng lượng; giao thông vận tải; xây dựng; tài nguyên nước; nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học; công nghiệp chế biến chế tạo, dịch vụ môi trường

(**) Tiêu chí phân loại: Cải tạo, nâng cấp công trình bảo vệ môi trường; thay đổi công nghệ theo hướng áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất; áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, phát thải ít các-bon; ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường; sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất, tiết kiệm năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo; xây dựng hạ tầng đa mục tiêu, thân thiện môi trường; quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải; thích ứng với biến đổi khí hậu, đầu tư phát triển vốn tự nhiên; dự án đầu tư khác theo quy định..

Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư theo quy định tại Phụ lục I Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư được xem xét, xác nhận thuộc danh mục phân loại xanh ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiêu chí phân loại dự án theo quy định tại Điều 150 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH-14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội.

(***) Xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh: Đã được xác nhận/ Chưa được xác nhận bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh. (Đối với trái phiếu đã được xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh, doanh nghiệp phát hành đính kèm văn bản đã được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

3.2. Đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu xanh tại thị trường quốc tế

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu cho các dự án đủ điều kiện				Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu (****)					
						Lũy kế đến ngày ... (ngày liền trước kỳ báo cáo)		Trong kỳ báo cáo (từ ngày ... đến ngày ...)		Lũy kế đến ngày ... (ngày kết thúc kỳ báo cáo)	
	Dự án	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư (*)	Tiêu chí phân loại (**)	Xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại trái phiếu xanh (***)		Số tiền đã được phân bổ (đồng)	Số tiền còn lại chưa được phân bổ (đồng)	Số tiền đã được phân bổ (đồng)	Số tiền còn lại chưa được phân bổ (đồng)	Số tiền đã được phân bổ (đồng)	Số tiền còn lại chưa được phân bổ (đồng)
1	Thực hiện dự án										
1.1	Dự án xanh A				TPX 1						
1.2	Dự án xanh B				TPX 2						
	...				...						
2	Cơ cấu lại khoản nợ liên quan Dự án xanh				...						
2.1	Cơ cấu lại khoản nợ liên quan Dự án xanh A				TPX 3						
2.2	Cơ cấu lại khoản nợ liên quan /Dự án xanh B				TPX 4						
	...										
3	Mục đích khác										
								...	...	...	...

(*) Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư: Năng lượng; giao thông vận tải; xây dựng; tài nguyên nước; nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học; công nghiệp chế biến chế tạo, dịch vụ môi trường.....

(**) Tiêu chí phân loại: Phát triển nguồn năng lượng tái tạo; tiết kiệm năng lượng; ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; kinh tế xanh, phát thải ít các-bon; áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, phát thải ít các-bon; xây dựng hạ tầng đa mục tiêu, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng; quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải; sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất, đầu tư phát triển vốn tự nhiên; ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất; áp dụng kinh tế tuần hoàn; tiết kiệm năng lượng, thay đổi công nghệ theo

hướng áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất; kinh tế xanh, phát thải ít các-bon, tiết kiệm năng lượng.....

Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư; tiêu chí phân loại dự án theo quy định của nước sở tại về tiêu chí môi trường và danh mục phân loại xanh.

*(***) Xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh: Đã được xác nhận/ Chưa được xác nhận bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh. (Đối với trái phiếu đã được xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh, doanh nghiệp phát hành đính kèm văn bản đã được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).*

*(****) Đối với trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra thị trường quốc tế, báo cáo theo số nguyên tệ.*

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của báo cáo nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

** Tài liệu kèm theo:*

- Báo cáo tiến độ thực hiện dự án;*
- Báo cáo về việc hạch toán, quản lý sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu có ý kiến soát xét của tổ chức kiểm toán (đối với báo cáo năm);*
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với báo cáo năm).*

Mẫu số 4.6: Công bố thông tin về lãi suất thực tế áp dụng cho kỳ tính lãi trái phiếu**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v lãi suất thực tế áp dụng cho kỳ
tính lãi trái phiếu

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...*tên doanh nghiệp phát hành*...) công bố thông tin về lãi suất thực tế áp dụng cho kỳ tính lãi trái phiếu như sau:

1. Thông tin về trái phiếu

- Tên trái phiếu:
- Mã trái phiếu:
- Mệnh giá:
- Giá trị phát hành (theo mệnh giá):
- Kỳ hạn:
- Ngày phát hành:
- Ngày đáo hạn:

2. Thông tin về lãi suất áp dụng

- Loại lãi suất:
 - ☐ Lãi suất thả nổi
 - ☐ Lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi
- Kỳ tính lãi: Kỳ tính lãi thứ (từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)
- Thời gian áp dụng lãi suất:
- Lãi suất thực tế áp dụng cho kỳ tính lãi: ...%/năm
- Cách thức xác định lãi suất:

3. Thông tin về thanh toán

- Ngày thanh toán lãi dự kiến:
- Phương thức thanh toán:

Chúng tôi chấp thuận để Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội công khai các thông tin công bố nêu trên tại Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp

và cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 4.7: Công bố thông tin về việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà đầu tư tại ngày trái phiếu không còn dư nợ
TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v công bố thông tin về việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ
 với nhà đầu tư tại ngày trái phiếu không còn dư nợ

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Thông tư số/2026/TT-BTC ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên doanh nghiệp phát hành...) gửi nội dung công bố thông tin về việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà đầu tư tại ngày trái phiếu không còn dư nợ như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:

- Loại hình doanh nghiệp:

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

- Mã số thuế:

2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu tại ngày trái phiếu không còn dư nợ:

- Ngày thống kê: (Ngày trái phiếu không còn dư nợ)

- Nội dung báo cáo:

Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu của (...tên doanh nghiệp phát hành...)

ST T	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng) *	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng) *	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa **	Ngày thanh toán theo kế hoạch **	Ngày thanh toán thực tế **	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/ năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1)=(2)+(3)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Số tiền đã thanh toán chậm (nếu có) (đồng) (3)
1				Lãi	dd/mm/yyyy ***	dd/mm/yyyy	dd/mm/yyyy				
2				...	...	...	...				
3				Gốc	dd/mm/yyyy	dd/mm/yyyy	dd/mm/yyyy				
...				...	...	...	...				

Ghi chú:

* Đối với trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra thị trường quốc tế báo cáo theo số nguyên tệ;

** Ngày thanh toán danh nghĩa là ngày dự kiến trả lãi/trả gốc theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu;

Ngày thanh toán theo kế hoạch là ngày thanh toán danh nghĩa đã điều chỉnh theo lịch làm việc (theo nguyên tắc lấy ngày làm việc tiếp theo nếu ngày thanh toán danh nghĩa rơi vào ngày nghỉ);

Ngày thanh toán thực tế là ngày Tổ chức phát hành thực hiện thanh toán gốc/lãi cho người sở hữu trái phiếu.

*** Định dạng ngày: dd: ngày; mm: tháng; yyyy: năm.

**** Đối với mỗi ngày thanh toán danh nghĩa đề nghị chỉ điền một dòng dữ liệu. Trường hợp thanh toán chậm hoặc thanh toán nhiều đợt, đề nghị điền ngày thanh toán thực tế gần nhất và ghi rõ thông tin các đợt đã và sẽ thanh toán trong mục "Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)".

(1) **Số tiền phải thanh toán** là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành có nghĩa vụ phải trả tại ngày trái phiếu không còn dư nợ;

(2) **Số tiền đã thanh toán đúng hạn** là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành đã thanh toán trước hoặc trong ngày đáo hạn của trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố thông tin;

(3) **Số tiền đã thanh toán chậm** là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành đã thanh toán nhưng sau ngày đáo hạn của trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố thông tin.

3. Tình hình thực hiện các cam kết khác đối với nhà đầu tư (liên quan đến mã trái phiếu không còn dư nợ):

STT	Nội dung	Chi tiết nội dung	Kết quả thực hiện
1	Mục đích phát hành (Nêu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ
2	Tài sản bảo đảm/bảo lãnh thanh toán (Nêu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ
3	Tình hình thanh toán lãi trái phiếu (Nêu cụ thể)		Đúng hạn/Chậm
4	Cam kết mua lại trước hạn		Tuân thủ/Không tuân thủ
5	Cam kết về chuyển đổi trái phiếu		Tuân thủ/Không tuân thủ
6	Các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành (Nêu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục V

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP
PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~138~~¹³⁷/2026/TT-BTC ngày ~~25~~²⁶ tháng ~~9~~¹⁰ năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Số mẫu biểu	Tên mẫu biểu
Mẫu số 5.1	Mẫu công bố thông tin bất thường của doanh nghiệp phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước
Mẫu số 5.2	Mẫu công bố thông tin bất thường của doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế
Mẫu số 5.3	Mẫu công bố thông tin bất thường về tình hình chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu (hoặc cập nhật thanh toán bổ sung/hoàn thành thanh toán gốc, lãi trái phiếu sau khi chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi:

Nơi cấp:

164

Nội dung	Thông tin chi tiết của các thông tin bất thường được công bố*
a) Bị tạm ngừng kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động, bị chấm dứt kinh doanh hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp.	
b) Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu.	
c) Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành, thay đổi đại diện người	

Nội dung	Thông tin chi tiết của các thông tin bất thường được công bố*
sở hữu trái phiếu, thay đổi mục đích phát hành của đợt chào bán trái phiếu.	
d) Chậm thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố thông tin.	CBTT chi tiết tại Mẫu số 5.3
đ) Kết quả đàm phán với nhà đầu tư trong trường hợp chậm thanh toán lãi, gốc trái phiếu; việc thực hiện thanh toán lãi, gốc trái phiếu sau thời gian bị chậm thanh toán.	CBTT chi tiết tại Mẫu số 5.3
e) Phải thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc.	
g) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án liên quan đến hoạt động của công ty, quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	
h) Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người đại diện theo pháp luật.	
i) Các sự kiện bất thường khác ảnh hưởng đến khả năng thanh toán lãi, gốc trái phiếu của doanh nghiệp.	

** Doanh nghiệp công bố chi tiết về thông tin thay đổi so với thông tin đã công bố trước đây, các Quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoặc trái phiếu phát hành; ngày xảy ra sự kiện phải công bố thông tin bất thường.*

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*** Tài liệu kèm theo: doanh nghiệp đính kèm theo các tài liệu liên quan đến thông tin bất thường công bố.*

Mẫu số 5.2: Công bố thông tin bất thường của doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm 20...

V/v công bố thông tin bất thường
của doanh nghiệp phát hành trái
phiếu ra thị trường quốc tế

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên doanh nghiệp phát hành...) gửi nội dung công bố thông tin bất thường như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số....
- Ngày cấp: Nơi cấp:
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Nội dung công bố thông tin bất thường:

Nội dung	Thông tin chi tiết của các thông tin bất thường được công bố*
a) Bị tạm ngừng kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động, bị chấm dứt kinh doanh hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp.	
b) Chậm thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố thông tin.	CBTT chi tiết tại Mẫu số 5.3
c) Thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền (nếu có).	
d) Báo cáo về thông tin bất thường khác của doanh nghiệp phát hành (nếu có).	

* Doanh nghiệp công bố chi tiết về thông tin thay đổi so với thông tin đã công bố trước đây, các Quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến doanh nghiệp phát

hành trái phiếu hoặc trái phiếu phát hành; ngày xảy ra sự kiện phải công bố thông tin bất thường.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*** Tài liệu kèm theo: doanh nghiệp đính kèm theo các tài liệu liên quan đến thông tin bất thường công bố*

Mẫu số 5.3: Công bố thông tin về tình hình chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu (hoặc cập nhật thanh toán bổ sung/hoàn thành thanh toán gốc, lãi trái phiếu sau khi chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v công bố thông tin về tình
hình thanh toán gốc, lãi

...., ngày tháng năm

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên doanh nghiệp phát hành...) gửi nội dung công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:

- Loại hình doanh nghiệp:

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu:

- Ngày thống kê:

+ Đối với CBTT về việc chậm thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố thông tin, ngày thống kê là ngày thanh toán theo kế hoạch;

+ Đối với CBTT về việc thực hiện thanh toán lãi, gốc trái phiếu sau thời gian bị chậm thanh toán, ngày thống kê là ngày thanh toán thực tế;

- Nội dung báo cáo:

Tình hình chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu (hoặc cập nhật thanh toán bổ sung/hoàn thành thanh toán gốc, lãi trái phiếu sau khi chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu) của (...tên doanh nghiệp phát hành...)

ST T	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng) *	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng) *	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa **	Ngày thanh toán theo kế hoạch **	Ngày thanh toán thực tế **	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) * (1) = (2) + (3)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
										Số tiền đã thanh toán chậm (2)	Số tiền chưa thanh toán (3)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nêu cụ thể kết quả đàm phán)
1				Lãi	dd/mm/ yyyy***	dd/mm/ yyyy	dd/mm/ yyyy						
2				...	...	...	...						
3				Gốc	dd/mm/ yyyy	dd/mm/ yyyy	dd/mm/ yyyy						
...				...	...	...	...						

Ghi chú:

* Đối với trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra thị trường quốc tế báo cáo theo số nguyên tệ;

** Ngày thanh toán danh nghĩa là ngày dự kiến trả lãi/trả gốc theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu;

Ngày thanh toán theo kế hoạch là ngày thanh toán danh nghĩa đã điều chỉnh theo lịch làm việc (theo nguyên tắc lấy ngày làm việc tiếp theo nếu ngày thanh toán danh nghĩa rơi vào ngày nghỉ);

Ngày thanh toán thực tế là ngày Tổ chức phát hành thực hiện thanh toán gốc/lãi cho người sở hữu trái phiếu.

*** Định dạng ngày: dd: ngày; mm: tháng; yyyy: năm.

**** Đối với mỗi ngày thanh toán danh nghĩa đề nghị chỉ điền một dòng dữ liệu. Trường hợp thanh toán chậm hoặc thanh toán nhiều đợt, đề nghị điền ngày thanh toán thực tế gần nhất và ghi rõ thông tin các đợt đã và sẽ thanh toán trong mục "Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nêu cụ thể kết quả đàm phán)".

(1) **Số tiền phải thanh toán** là tổng số tiền lãi hoặc gốc chậm/chưa thanh toán mà doanh nghiệp phát hành có nghĩa vụ phải trả đối với từng Ngày thanh toán danh nghĩa;

(2) **Số tiền đã thanh toán chậm** là tổng số tiền lãi hoặc gốc chậm thanh toán mà doanh nghiệp phát hành đã thanh toán nhưng sau Ngày thanh toán theo kế hoạch tính tới hết Ngày thống kê;

(3) **Số tiền chưa thanh toán** là phần còn lại của Số tiền phải thanh toán trừ đi Số tiền đã thanh toán chậm.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục VI

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, TRÁI PHIẾU
KÈM CHỨNG QUYỀN, MUA LẠI TRÁI PHIẾU TRƯỚC HẠN
VÀ HOÁN ĐỔI TRÁI PHIẾU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~138~~ 2026/TT-BTC ngày ~~25~~ tháng ~~1~~ năm 2026 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Số mẫu biểu	Tên mẫu biểu
Mẫu số 6.1	Công bố thông tin về kết quả thực hiện chuyển đổi trái phiếu
Mẫu số 6.2	Công bố thông tin về kết quả thực hiện quyền đối với trái phiếu kèm chứng quyền
Mẫu số 6.3	Công bố thông tin trước đợt mua lại trái phiếu trước hạn
Mẫu số 6.4	Công bố thông tin về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn
Mẫu số 6.5	Công bố thông tin trước đợt hoán đổi trái phiếu
Mẫu số 6.6	Công bố thông tin về kết quả hoán đổi trái phiếu

Mẫu số 6.1: Công bố thông tin về kết quả thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đối với trái phiếu chuyển đổi

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20...

V/v công bố thông tin về kết
quả chuyển đổi trái phiếu thành
cổ phiếu đối với trái phiếu
chuyển đổi

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (... tên doanh nghiệp phát hành...) công bố thông tin kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đối với trái phiếu chuyển đổi như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Kết quả thực hiện chuyển đổi

2.1. Thông tin trái phiếu thực hiện chuyển đổi

- Mã trái phiếu được chuyển đổi:
- Mệnh giá:
- Đồng tiền phát hành (trường hợp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế):
- Kỳ hạn:
- Ngày phát hành:
- Khối lượng trái phiếu phát hành (số lượng trái phiếu và giá trị phát hành):
- Thị trường phát hành (trong trường hợp phát hành ra thị trường quốc tế):

2.2. Kết quả thực hiện chuyển đổi

- Ngày chốt danh sách người sở hữu trái phiếu:
- Ngày thực hiện chuyển đổi:
- Ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu:

- Số lượng trái phiếu được chuyển đổi:
- Tổng giá trị trái phiếu được chuyển đổi theo mệnh giá trái phiếu:
- Thời gian lưu ký, niêm yết, giao dịch trái phiếu chuyển đổi:
- Các văn bản đề nghị lưu ký, niêm yết, giao dịch (nếu có).

3. Việc hủy bỏ đăng ký giao dịch/ điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện theo Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (áp dụng đối với trái phiếu đang đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ).

Chúng tôi cam kết các thông tin đã công bố nêu trên là đầy đủ, chính xác, trung thực; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước nhà đầu tư về nội dung thông tin công bố và các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện (nếu có) liên quan đến việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu giữa Công ty và nhà đầu tư./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 6.2: Công bố thông tin về kết quả thực hiện quyền đối với trái phiếu kèm chứng quyền

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v công bố thông tin về kết quả thực hiện quyền của chứng quyền

..., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên doanh nghiệp phát hành...) công bố thông tin kết quả thực hiện quyền đối với trái phiếu kèm chứng quyền như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Kết quả thực hiện quyền

2.1. Thông tin trái phiếu thực hiện quyền

- Mã trái phiếu:
- Mệnh giá:
- Đồng tiền phát hành (trường hợp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế)
- Kỳ hạn:
- Ngày phát hành:
- Khối lượng trái phiếu phát hành (cụ thể số lượng trái phiếu và giá trị):
- Thị trường phát hành (trong trường hợp phát hành ra thị trường quốc tế):

2.2. Kết quả thực hiện quyền

- Ngày chốt danh sách người sở hữu trái phiếu:
- Ngày thực hiện quyền:
- Ngày hoàn tất thực hiện quyền:
- Số lượng chứng quyền phát hành:

- Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu:
- Khối lượng trái phiếu đã thực hiện quyền (cụ thể số lượng trái phiếu và giá trị):
- Dư nợ trái phiếu sau khi thực hiện quyền (theo mệnh giá):

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 6.3: Công bố thông tin trước đợt mua lại trái phiếu trước hạn**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v công bố thông tin về đợt
mua lại trái phiếu trước hạn

..., ngày tháng năm 20...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (... tên doanh nghiệp phát hành...) công bố thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn

- Mã trái phiếu mua lại:
- Mệnh giá:
- Đồng tiền phát hành (trường hợp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế)
- Thị trường phát hành (trong trường hợp phát hành ra thị trường quốc tế):
- Phương thức tổ chức mua lại:
- Giá trị trái phiếu dự kiến mua lại (theo mệnh giá):
- Điều kiện, điều khoản của trái phiếu được mua lại trước hạn:
- Nguồn mua lại:
- Thời gian dự kiến tổ chức mua lại:

*(kèm theo Phương án mua lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt)***3. Các tổ chức tham gia đợt mua lại trái phiếu trước hạn**

Nêu rõ tên, mã số thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, người đại diện theo pháp luật/người được ủy quyền của các tổ chức liên quan đến đợt mua lại: tổ chức đại diện người

sở hữu trái phiếu (nếu có); ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận tiền mua trái phiếu; tổ chức quản lý tài sản bảo đảm (nếu có) ...

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 6.4: Công bố thông tin về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm 20...

V/v công bố thông tin về kết
quả mua lại trái phiếu trước hạn

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên doanh nghiệp phát hành...) công bố thông tin về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:

- Loại hình doanh nghiệp:

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Kết quả mua lại trái phiếu trước hạn

Đồng tiền phát hành (trường hợp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế):

Thị trường phát hành trái phiếu (trong trường hợp trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế):

S T T	Mã trái phiếu	Mệnh giá (nêu rõ đồng tiền phát hành)	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Giá trị phát hành	Giá trị đang lưu hành	Giá mua lại thực tế/ 01 trái phiếu	Giá trị mua lại (theo mệnh giá)	Ngày hoàn tất việc mua lại	Giá trị còn lại sau khi mua lại (theo mệnh giá)

3. Việc hủy bỏ đăng ký giao dịch/điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện theo Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (áp dụng đối với trái phiếu đang đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ).

Chúng tôi cam kết các thông tin đã công bố nêu trên là đầy đủ, chính xác, trung thực; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước nhà đầu tư về nội dung thông

tin công bố và các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện (nếu có) liên quan đến việc thanh toán mua lại trái phiếu giữa Công ty và nhà đầu tư./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 6.5: Công bố thông tin trước đợt hoán đổi trái phiếu**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v công bố thông tin về đợt
hoán đổi trái phiếu

..., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên doanh nghiệp phát hành...) công bố thông tin về đợt hoán đổi trái phiếu như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:

- Loại hình doanh nghiệp:

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Thông tin về đợt hoán đổi- Phương thức tổ chức hoán đổi (*thỏa thuận trực tiếp hoặc đấu thầu*):

- Mệnh giá:

- Đồng tiền phát hành (*trường hợp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế*):- Thị trường phát hành (*trong trường hợp phát hành ra thị trường quốc tế*):- Giá trị dự kiến hoán đổi (*theo mệnh giá*):

- Điều kiện, điều khoản của trái phiếu hoán đổi:

S T T	Trái phiếu bị hoán đổi						Trái phiếu được hoán đổi (dự kiến)				
	Mã trái phiếu	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Mệnh giá trái phiếu bị hoán đổi	Số lượng bị hoán đổi	Giá trị trái phiếu bị hoán đổi (đồng)	Mã trái phiếu	Kỳ hạn	Mệnh giá trái phiếu được hoán đổi	Số lượng được hoán đổi	Giá trị trái phiếu được hoán đổi (đồng)

* Trường hợp hoán đổi trái phiếu quốc tế, báo cáo theo số nguyên tệ

- Thời gian dự kiến tổ chức hoán đổi:

(kèm theo Phương án hoán đổi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

3. Các tổ chức tham gia đợt hoán đổi

Nêu rõ tên, mã số thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của các tổ chức liên quan đến đợt hoán đổi trái phiếu: tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có); ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận tiền mua trái phiếu (nếu có); tổ chức quản lý tài sản bảo đảm (nếu có) ...

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 6.6: Công bố thông tin về kết quả hoán đổi trái phiếu

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v công bố thông tin về kết quả hoán đổi trái phiếu

...., ngày tháng năm 20...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên doanh nghiệp phát hành...) công bố thông tin về kết quả hoán đổi trái phiếu như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Kết quả hoán đổi trái phiếu

Đồng tiền phát hành (trường hợp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế):

Thị trường phát hành trái phiếu (trong trường hợp trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế)

[illegible]

- Số tiền phát sinh sau làm tròn trong trường hợp tỷ lệ hoán đổi dẫn tới số lượng trái phiếu hoán đổi bị lẻ:

3. Việc hủy bỏ đăng ký giao dịch/ điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện theo Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ *(áp dụng đối với trái phiếu đang đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ).*

Chúng tôi cam kết các thông tin đã công bố nêu trên là đầy đủ, chính xác, trung thực; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước nhà đầu tư về nội dung thông tin công bố và các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện (nếu có) liên quan đến việc hoán đổi trái phiếu giữa Công ty và nhà đầu tư./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục VII

BIỂU MẪU BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN HỒ SƠ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~138~~ 2026/TT-BTC ngày ~~25~~ tháng ~~9~~ năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC TƯ VẤN
HỒ SƠ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

...., ngày ... tháng ... năm 20..

V/v báo cáo định kỳ tình hình cung cấp dịch vụ
tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(Kỳ báo cáo quý/ kỳ báo cáo năm, từ ngày ... đến ngày ...; Doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi các trái phiếu mà doanh nghiệp tư vấn đã hoàn thành hồ sơ chào bán trong kỳ báo cáo)

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (... tên tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu...) báo cáo về tình hình cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước như sau:

1. Số lượng hợp đồng cung cấp dịch vụ trong kỳ:

[illegible]

2. Kết quả rà soát hồ sơ chào bán trái phiếu đối với các hợp đồng đã hoàn thành:

STT	Số hợp đồng	Doanh nghiệp phát hành	Mã trái phiếu	Loại trái phiếu (*)	Kết quả rà soát hồ sơ phát hành	Đánh giá
1	..				<i>Liệt kê các thành phần hồ sơ chào bán trái phiếu</i>	
...						

(*) Loại trái phiếu: trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, trái phiếu có bảo đảm, trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, trái phiếu không có bảo đảm...

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của báo cáo nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục VIII

**BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN
NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 138/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TÊN TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20..

V/v báo cáo định kỳ tình hình cung
cấp dịch vụ của tổ chức đại diện
người sở hữu trái phiếu

Kính gửi:

*(Kỳ báo cáo quý/ năm: từ ngày ... đến ngày ...; Doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ
báo cáo khi trái phiếu mà doanh nghiệp làm đại diện người sở hữu trái phiếu còn dư nợ
trong kỳ báo cáo)*

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../ .../2026 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy
định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước
và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên tổ chức đại diện
người sở hữu trái phiếu...) báo cáo định kỳ về tình hình giám sát việc tuân thủ các
cam kết của doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ như sau:

1. Tình hình giám sát việc tuân thủ các cam kết của doanh nghiệp phát hành

STT	Doanh nghiệp phát hành	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Nội dung	Chi tiết nội dung	Kết quả giám sát
1				Mục đích phát hành (Nêu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ
				Tài sản bảo đảm/bảo lãnh thanh toán (Nêu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ
				Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu (Nêu cụ thể)		Đủ/Chưa đủ; Đúng hạn/ Chậm
				Cam kết mua lại trước hạn		Tuân thủ/Không tuân thủ
				Cam kết về chuyển đổi trái phiếu		Tuân thủ/Không tuân thủ
				Các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành (Nêu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ
2				Mục đích phát hành (Nêu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ
				Tài sản bảo đảm (Nêu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ
				Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu (Nêu cụ thể)		Đủ/Chưa đủ; Đúng hạn/ Chậm
				Cam kết mua lại trước hạn		Tuân thủ/Không tuân thủ
				Cam kết về chuyển đổi trái		Tuân thủ/Không tuân thủ

			phiếu		
			Các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành (Nếu cụ thể)		Tuân thủ/Không tuân thủ

* Các cam kết khác của doanh nghiệp đề nghị nêu cụ thể các cam kết và đánh giá tính tuân thủ/không tuân thủ.

* Lưu ý: Tổ chức lựa chọn Tuân thủ/không tuân thủ

2. Tình hình thực hiện các trách nhiệm khác của đại diện chủ sở hữu trái phiếu

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ đối với các hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký kết và đang thực hiện bao gồm:...

- Làm trung gian liên lạc giữa người sở hữu trái phiếu, doanh nghiệp phát hành và các tổ chức có liên quan khác:...

- Yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp doanh nghiệp phát hành không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi trái phiếu:...

- Tình hình nhận và quản lý tài sản bảo đảm (nếu có):...

- Thực hiện các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp đại diện người sở hữu trái phiếu đồng thời là đại lý quản lý tài sản bảo đảm:...

- Yêu cầu doanh nghiệp phát hành mua lại trái phiếu trước hạn theo nghị quyết của hội nghị người sở hữu trái phiếu trong trường hợp doanh nghiệp vi phạm pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, vi phạm phương án phát hành trái phiếu mà các vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được chủ sở hữu trái phiếu chấp thuận theo nghị quyết của hội nghị người sở hữu trái phiếu:...

- Thông tin thay đổi các điều khoản tại hợp đồng Đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có).

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục IX

BIỂU MẪU BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC ĐẤU THẦU, BẢO LÃNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 138/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**TÊN TỔ CHỨC ĐẤU THẦU, BẢO LÃNH,
ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm 202...

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

**Tình hình cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ
tại thị trường trong nước**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

(Kỳ báo cáo quý/ năm: từ ngày ... đến ngày ...; Doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi thực hiện cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trong kỳ báo cáo)

1. Số lượng hợp đồng đã hoàn thành và đang thực hiện trong kỳ (Hợp đồng):

- Số lượng hợp đồng đã hoàn thành:

- Số lượng hợp đồng đang thực hiện:

2. Giá trị trái phiếu đã phát hành và đang thực hiện theo phương thức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trong kỳ (đồng):.....

- Giá trị trái phiếu đã phát hành:

- Giá trị trái phiếu đang thực hiện:

3. Số lượng hợp đồng cung cấp dịch vụ trong kỳ:

STT	Tổ chức phát hành	Số hiệu Hợp đồng, ngày hợp đồng	Trạng thái hợp đồng (đã hoàn thành/đang thực hiện)*	Phương thức phát hành (Đấu thầu/Bảo lãnh/Đại lý phát hành)	Khối lượng trái phiếu đã phát hành (trái phiếu) (Trái phiếu đã có kết quả phát hành trong kỳ báo cáo)	Giá trị trái phiếu đã phát hành (đồng) (Trái phiếu đã có kết quả phát hành trong kỳ báo cáo)
-----	-------------------	--	--	--	--	--

1	Tổ chức phát hành A					
2	Tổ chức phát hành B					
	Tổng cộng					

** Hợp đồng đã hoàn thành là hợp đồng đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu và đã có kết quả phát hành trong kỳ báo cáo (trong trường hợp Hợp đồng phát hành trái phiếu gồm nhiều đợt, sau khi hoàn tất toàn bộ các đợt phát hành theo hợp đồng và đã có kết quả phát hành của tất cả các đợt được ghi nhận là hoàn thành).*

Hợp đồng đang thực hiện là hợp đồng đã có ngày dự kiến phát hành theo hồ sơ công bố thông tin trước phát hành gửi lên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp nhưng chưa có kết quả phát hành trong kỳ báo cáo.

4. Kết quả đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu đối với các trái phiếu đã phát hành trong kỳ:

STT	Tổ chức phát hành	Số hiệu HĐ	Mã TP	Phương thức phát hành (Đấu thầu/Bảo lãnh/Đại lý phát hành)	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Lãi suất phát hành thực tế (%)	Loại hình trái phiếu (TP chuyển đổi/TP kèm chứng quyền/TP có bảo đảm)	Giá trị tổ chức trong nước mua	Giá trị cá nhân trong nước mua	Giá trị tổ chức nước ngoài mua	Giá trị cá nhân nước ngoài mua	Số lượng nhà đầu tư tổ chức mua	Số lượng nhà đầu tư cá nhân mua
1	Tổ chức phát hành A															
2	Tổ chức phát hành B															
	Tổng cộng															

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của báo cáo nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục X

MẪU BIỂU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~138~~ 2026/TT-BTC ngày **25** tháng **9** năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Số bảng	Tên bảng
Tình hình phát hành và giao dịch trái phiếu tại thị trường trong nước	
Bảng 1	Tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong kỳ
Bảng 2	Kỳ hạn, lãi suất phát hành
Bảng 3	Tình hình phát hành trái phiếu có bảo đảm
Bảng 4	Nhà đầu tư mua trái phiếu tại thời điểm phát hành
Bảng 5	Cơ cấu nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo
Bảng 6	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi đối với trái phiếu chuyển đổi, thực hiện quyền đối với trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trước hạn và hoán đổi trái phiếu
Bảng 7	Chi tiết điều kiện, điều khoản trái phiếu phát hành từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo
Bảng 8	Tình hình giao dịch trái phiếu
Tình hình phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế	
Bảng 9	Tình hình chào bán trái phiếu doanh nghiệp trong kỳ
Bảng 10	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi đối với trái phiếu chuyển đổi, thực hiện quyền đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền, mua lại trước hạn và hoán đổi trái phiếu
Bảng 11	Chi tiết điều kiện, điều khoản trái phiếu phát hành từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo
Bảng 12	Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp phát hành và tình hình dư nợ trái phiếu

[illegible]

	Phát hành trong kỳ						Lũy kế từ đầu năm					
	Số đợt đăng ký	Giá trị đăng ký	Số doanh nghiệp PH	Số đợt PH	Giá trị PH (tỷ đồng)	Tỷ trọng giá trị PH	Số đợt đăng ký	Giá trị đăng ký	Số doanh nghiệp PH	Số đợt PH	Giá trị PH (tỷ đồng)	Tỷ trọng giá trị PH (%)
8. Năng lượng												
9. Lĩnh vực khác												
III. Theo mục đích phát hành												
1. Thực hiện dự án												
2. Cơ cấu lại nợ của chính doanh nghiệp												
3. Mục đích phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành												
4. Thực hiện dự án xanh												
Tổng												

Bảng 2: Kỳ hạn, lãi suất phát hành

Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp phát hành	Trong kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm	
	Kỳ hạn phát hành bình quân (năm)	Lãi suất phát hành bình quân (%/năm) *	Kỳ hạn phát hành bình quân (năm)	Lãi suất phát hành bình quân (%/năm) *
1. Tổ chức tín dụng				
2. Kinh doanh chứng khoán				
3. Bất động sản				
4. Xây dựng				
5. Sản xuất				
6. Thương mại, dịch vụ				
7. Bảo hiểm				
8. Năng lượng				
9. Lĩnh vực khác				
Bình quân gia quyền				

Ghi chú: * Lãi suất phát hành bình quân và kỳ hạn phát hành bình quân tính theo bình quân gia quyền

Bảng 3: Tình hình phát hành trái phiếu có bảo đảm*Đơn vị: tỷ đồng.*

	Trong kỳ báo cáo			Lũy kế từ đầu năm		
	Giá trị phát hành	Giá trị phát hành có bảo đảm (*)	Tỷ trọng (%)	Giá trị phát hành	Giá trị phát hành có bảo đảm (*)	Tỷ trọng (%)
I. Lĩnh vực hoạt động của DN phát hành						
1. Tổ chức tín dụng						
2. Kinh doanh chứng khoán						
3. Bất động sản						
4. Xây dựng						
5. Sản xuất						
6. Thương mại, dịch vụ						
7. Bảo hiểm						
8. Năng lượng						
9. Lĩnh vực khác						
Tổng			100%			100%
II. Hình thức bảo đảm						
1. Bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành						
2. Bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ						
3. Bảo lãnh thanh toán						
3.1. Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài						
3.2. Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật						
Tổng			100%			100%

Ghi chú (): trường hợp trái phiếu được bảo đảm thanh toán một phần, chỉ báo cáo tương ứng phần giá trị trái phiếu có tài sản bảo đảm.*

Bảng 4: Nhà đầu tư mua trái phiếu tại thời điểm phát hành

Đơn vị: tỷ đồng.

[illegible]

Bảng 5: Cơ cấu nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo*Đơn vị: tỷ đồng*

Lĩnh vực hoạt động của DN phát hành	Nhà đầu tư phân theo địa lý		Nhà đầu tư phân theo loại hình					
	Nhà đầu tư trong nước	Nhà đầu tư nước ngoài	Tổ chức tín dụng	Công ty chứng khoán	Quỹ Đầu tư chứng khoán	Doanh nghiệp bảo hiểm	Tổ chức khác	Cá nhân
1. Tổ chức tín dụng								
2. Kinh doanh chứng khoán								
3. Bất động sản								
4. Xây dựng								
5. Sản xuất								
6. Thương mại, dịch vụ								
7. Bảo hiểm								
8. Năng lượng								
9. Lĩnh vực khác								
Tổng								

Đơn vị: %

Lĩnh vực hoạt động của DN phát hành	Nhà đầu tư phân theo địa lý		Nhà đầu tư phân theo loại hình					
	Nhà đầu tư trong nước	Nhà đầu tư nước ngoài	Tổ chức tín dụng	Công ty chứng khoán	Quỹ Đầu tư chứng khoán	Doanh nghiệp bảo hiểm	Tổ chức khác	Cá nhân
1. Tổ chức tín dụng								
2. Kinh doanh chứng khoán								
3. Bất động sản								
4. Xây dựng								
5. Sản xuất								
6. Thương mại, dịch vụ								
7. Bảo hiểm								
8. Năng lượng								
9. Lĩnh vực khác								
Tổng								

Ghi chú: Tổng hợp theo báo cáo của các tổ chức đăng ký, lưu ký và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với trái phiếu phát hành trước ngày 01/01/2021 và còn dư nợ)

Bảng 6: Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi đối với trái phiếu chuyển đổi, thực hiện quyền đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền, mua lại trước hạn và hoán đổi trái phiếu

Đơn vị: tỷ đồng

	Thanh toán gốc, lãi trái phiếu		Giá trị trái phiếu đã chuyển đổi	Giá trị trái phiếu đã thực hiện quyền	Giá trị trái phiếu được mua lại	Giá trị trái phiếu hoán đổi	
	Thanh toán gốc	Thanh toán lãi				Giá trị trái phiếu bị hoán đổi	Giá trị trái phiếu được hoán đổi
Trong kỳ báo cáo							
Lũy kế từ đầu năm							

Bảng 7: Chi tiết điều kiện, điều khoản trái phiếu phát hành từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo

STT	Doanh nghiệp phát hành			Mã trái phiếu	Giá trị PH	Kỳ hạn phát hành		Lãi suất phát hành		Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thanh toán lãi	TP chuyển đổi	TP kèm chứng quyền	TP có bảo đảm
	Tên	Loại hình DN	Lĩnh vực hoạt động			Đơn vị kỳ hạn	Kỳ hạn	Loại lãi suất	Lãi suất thực tế						
1															
2															
...															

Bảng 8: Tình hình giao dịch trái phiếu

	Khối lượng giao dịch (trái phiếu)	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ trọng giá trị giao dịch (%)
I. Đối với giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ			
1. Trong kỳ báo cáo			
Phân theo trái phiếu của từng lĩnh vực doanh nghiệp phát hành			
- Tổ chức tín dụng			
- Kinh doanh chứng khoán			
- Bất động sản			

1. Công ty đại chúng										
2. CTCP chưa đại chúng										
3. Công ty trách nhiệm hữu hạn										
II. Theo lĩnh vực hoạt động										
1. Tổ chức tín dụng										
2. Kinh doanh chứng khoán										
3. Bất động sản										
4. Xây dựng										
5. Sản xuất										
6. Thương mại, dịch vụ										
7. Bảo hiểm										
8. Năng lượng										
9. Lĩnh vực khác										
III. Theo thị trường phát hành										
...										

Ghi chú: Báo cáo theo số nguyên tệ.

Bảng 10: Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi đối với trái phiếu chuyển đổi, thực hiện quyền đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền, mua lại trước hạn và hoán đổi trái phiếu

	Thanh toán gốc, lãi trái phiếu		Giá trị trái phiếu đã chuyển đổi	Giá trị trái phiếu đã thực hiện quyền	Giá trị trái phiếu được mua lại	Giá trị trái phiếu hoán đổi	
	Thanh toán gốc	Thanh toán lãi				Giá trị trái phiếu bị hoán đổi	Giá trị trái phiếu được hoán đổi
Trong kỳ báo cáo							
Lũy kế từ đầu năm							

Ghi chú: Báo cáo theo số nguyên tệ; giá trị trái phiếu tính theo mệnh giá.

Bảng 11: Chi tiết điều kiện, điều khoản trái phiếu phát hành từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo

STT	Doanh nghiệp phát hành			Mã trái phiếu	Thị trường phát hành	Đồng tiền PH	Giá trị PH	Kỳ hạn phát hành		Lãi suất phát hành		Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thanh toán lãi	TP chuyển đổi	TP kèm chứng quyền	TP có bảo đảm
	Tên	Loại hình DN	Lĩnh vực hoạt động					Đơn vị kỳ hạn	Kỳ hạn	Loại lãi suất	Lãi suất thực tế						
1																	
2																	
3																	
...																	

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH VÀ TÌNH HÌNH DƯ NỢ TRÁI PHIẾU*(Đối với báo cáo cuối quý II và báo cáo năm)***Bảng 12: Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp phát hành và tình hình dư nợ trái phiếu**

STT	Tên doanh nghiệp phát hành	Vốn chủ sở hữu (đồng)	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Dư nợ trái phiếu riêng lẻ/ Vốn chủ sở hữu	Dư nợ trái phiếu quốc tế		Dư nợ trái phiếu ra công chúng trong nước (đồng)	Dư nợ trái phiếu riêng lẻ trong nước (đồng)
						Nguyên tệ	Đồng		
1									
2									
...									
	TỔNG								

(Theo báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành khi công bố thông tin định kỳ)

Đánh giá, nhận xét về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp trong kỳ và lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo:

(Tình hình chào bán trái phiếu doanh nghiệp; việc tuân thủ chế độ công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành; việc tuân thủ chế độ báo cáo của các tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu, đại diện người sở hữu trái phiếu; tình hình giao dịch

trái phiếu; tình hình thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi, thực hiện quyền, mua lại trái phiếu trước hạn và hoán đổi trái phiếu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng công ty LKBTCK.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục XI

**BIỂU MẪU BÁO CÁO CỦA TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~138~~ 2026/TT-BTC ngày 25 tháng 2 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Số bảng	Tên bảng
Bảng 1	Tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu trong kỳ
Bảng 2	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu trong kỳ
Bảng 3	Cơ cấu nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu theo từng tên/mã trái phiếu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo
Bảng 4	Tình hình thanh toán giao dịch, chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ
Bảng 5	Tình hình giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ, CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU, CƠ CẤU NHÀ ĐẦU TƯ
ĐỐI VỚI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ**

**TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM/ TÊN TỔ
CHỨC ĐĂNG KÝ LƯU KÝ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

Số:

V/v báo cáo định kỳ tình hình đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu,
cơ cấu nhà đầu tư đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

Kính gửi:

(Kỳ báo cáo: quý.../năm...)

Bảng 1: Tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu trong kỳ

STT	Doanh nghiệp phát hành	Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính	Mã trái phiếu	Mệnh giá trái phiếu (đồng)	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Giá trị trái phiếu đăng ký, lưu ký tại thời điểm đầu kỳ tính theo mệnh giá (đồng)		Giá trị trái phiếu đăng ký, lưu ký tại thời điểm cuối kỳ tính theo mệnh giá (đồng)	
							Đăng ký	Lưu ký	Đăng ký	Lưu ký
1	Doanh nghiệp phát hành A									
2	Doanh nghiệp phát hành B									
3	Doanh nghiệp phát hành C									
	...									
	Tổng cộng									

Bảng 2: Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu trong kỳ

[illegible]

*Ngày thanh toán danh nghĩa là ngày dự kiến trả lãi/trả gốc theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu;

Ngày thanh toán theo kế hoạch là ngày thanh toán danh nghĩa đã điều chỉnh theo lịch làm việc;

Ngày thanh toán thực tế là ngày Tổ chức phát hành thực hiện thanh toán gốc/lãi cho người sở hữu trái phiếu.

Bảng 3: Cơ cấu nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu theo từng tên/mã trái phiếu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

1. Số lượng nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

[illegible]

2. Cơ cấu giá trị nắm giữ trái phiếu của nhà đầu tư tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

STT	Doanh nghiệp phát hành	Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Mệnh giá (đồng)	Giá trị nắm giữ của nhà đầu tư trong nước phân theo loại hình tính theo mệnh giá (đồng)						Giá trị nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài phân theo loại hình tính theo mệnh giá (đồng)					
								TC TD	CT CK	Quỹ đầu tư chứng khoán	Doanh nghiệp bảo hiểm	Tổ chức khác	Cá nhân	TC TD	CT CK	Quỹ đầu tư chứng khoán	Doanh nghiệp bảo hiểm	Tổ chức khác	Cá nhân
1	Doanh nghiệp phát hành A																		
																			
2	Doanh nghiệp phát hành B																		
																			
3	Doanh nghiệp phát hành C																		
	Tổng																		

3. Tổng hợp cơ cấu nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Đơn vị: tỷ đồng tính theo mệnh giá trái phiếu.

Lĩnh vực hoạt động của DN phát hành	Nhà đầu tư phân theo địa lý		Nhà đầu tư phân theo loại hình					
	Nhà đầu tư trong nước	Nhà đầu tư nước ngoài	TCTD	CTCK	Quỹ đầu tư chứng khoán	Doanh nghiệp bảo hiểm	Tổ chức khác	Cá nhân
1. Tổ chức tín dụng								
2. Kinh doanh chứng khoán								
3. Bất động sản								
4. Xây dựng								
5. Sản xuất								
6. Thương mại, dịch vụ								
7. Bảo hiểm								
8. Năng lượng								
9. Lĩnh vực khác								
Tổng								

Bảng 4: Tình hình thanh toán giao dịch, chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

(Áp dụng đối với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam để báo cáo theo quy định tại Điều 32 Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Kỳ báo cáo: từ ngày... đến ngày ...

	Giá trị thanh toán giao dịch (đồng)	Giá trị thanh toán giao dịch bình quân (đồng/ngày)
Trong kỳ báo cáo		
Lũy kế từ đầu năm		

2. Chi tiết tình hình thanh toán giao dịch và chuyển quyền sở hữu như sau:

a) Tình hình thanh toán giao dịch

STT	Mã trái phiếu	Doanh nghiệp phát hành	Mệnh giá trái phiếu (đồng)	Mua				Bán			
				Số lượng (trái phiếu)		Giá trị (đồng)		Số lượng (trái phiếu)		Giá trị (đồng)	
				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
1	A										
	...										
	Tổng										

b) Tình hình chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ngoài hệ thống

STT	Mã trái phiếu	Doanh nghiệp phát hành	Mệnh giá trái phiếu (đồng)	Số lượng trái phiếu chuyển quyền sở hữu	Giá trị trái phiếu bên chuyển quyền sở hữu tính theo mệnh giá (đồng)		Giá trị trái phiếu bên nhận chuyển quyền sở hữu tính theo mệnh giá (đồng)	
					Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
1	A							
	...							
	Tổng							

Bảng 5: Tình hình giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ¹

(Áp dụng đối với tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu và Tổng công ty Lưu ký và Bảo quản chứng khoán Việt Nam theo quy định tại

Điều 32 Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- Kỳ báo cáo quý/năm: từ ngày... đến ngày ...
- Tổng khối lượng giao dịch (trái phiếu):
 - + Trong kỳ báo cáo:
 - + Lũy kế từ ngày 01/01 đến ngày kết thúc quý/năm báo cáo:
- Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng):
 - + Trong kỳ báo cáo:
 - + Lũy kế từ ngày 01/01 đến ngày kết thúc quý/năm báo cáo:
- Chi tiết kết quả giao dịch (lũy kế từ ngày 01/01 đến ngày kết thúc quý/năm báo cáo) như sau:

[illegible]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GD&ĐT Hà Nội.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Không bao gồm các trái phiếu đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

² Trường hợp chuyển quyền sở hữu không do giao dịch, tổ chức đăng ký, lưu ký thực hiện báo cáo theo mẫu biểu tại Bảng 4 mục 2.b.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đã phát hành trước ngày Nghị định số 153 /2020/ND-CP có hiệu lực thi hành và còn dư nợ: Việc báo cáo tại Phụ lục này được thực hiện cho đến thời điểm các tổ chức đăng ký, lưu ký (bao gồm Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) không còn nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại Điều 32 Thông tư số .../2026/TT-BTC.

PHỤ LỤC XII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 138/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**TÊN NGÂN HÀNG
THANH TOÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO

Hoạt động thanh toán tiền cho các giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ
(Từ ngày.../.../.... đến ngày.../.../....)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ngân hàng... được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép làm ngân hàng thanh toán theo Quyết định số ...

Ngân hàng... kính gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo hoạt động thanh toán tiền cho các giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ như sau:

1. Các chỉ tiêu

a) Về thanh toán giao dịch:

Chỉ tiêu	Trong kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Số lượng giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện qua ngân hàng thanh toán		
Tổng giá trị giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện thanh toán qua ngân hàng thanh toán		

b) Về thành viên kết nối:

Thành viên tham gia thanh toán tiền qua ngân hàng thanh toán	Số lượng lũy kế đến thời điểm báo cáo
Công ty chứng khoán	
Ngân hàng thương mại	
Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	
Tổng	

2. Tồn tại, kiến nghị:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

....., ngày... tháng ... năm
**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC XIII

THÔNG BÁO VỀ TÌNH HÌNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ VÀ KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI ... NĂM ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 138/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-

..., ngày... tháng... năm ...

THÔNG BÁO

Về kết quả theo dõi tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và thanh tra, kiểm tra, giám sát xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ tại địa bàn tỉnh/thành phố năm...

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân Tỉnh/Thành phố ... thông báo về kết quả theo dõi tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và thanh tra, kiểm tra, giám sát xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ tại ... theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP như sau:

I. KẾT QUẢ THEO DÕI TÌNH HÌNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ

Tình hình chung:

- Tổng số doanh nghiệp phát hành TPDNRL trên địa bàn Tỉnh/ Thành phố:, trong đó năm Có ...
- Tổng số đợt phát hành: trong đó năm Có ...
- Tổng giá trị phát hành: trong đó giá trị phát hành năm Là...

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính/ số điện thoại/ email	Mã TPDN RL/ Thị trường	Số lượng phát hành	Mệnh giá	Giá trị phát hành	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại hình trái phiếu	Số lượng NĐT/ cá nhân/ tổ chức	Tổ chức tư vấn/ đại lý phát hành	Tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu	Tổ chức đại lý quản lý TSDB
...														

II. KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM

1. Tình hình chung:

- Tổng số doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra:
- Tổng số đợt phát hành kiểm tra:
- Tổng giá trị phát hành:
- Tổng số doanh nghiệp vi phạm được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: ...

2. Tổng hợp các đợt thanh tra, kiểm tra

STT	Tên doanh nghiệp	Mã Trái phiếu	Thanh tra/ Kiểm tra (định kỳ/ bất thường)	Quyết định kiểm tra/ thanh tra		Thời kỳ thanh tra/ kiểm tra	Thời gian thanh tra/ kiểm tra	Nội dung thanh/ kiểm tra	Kết quả thanh/ kiểm tra	Quyết định xử phạt (nếu có)	Hành vi vi phạm	Hình thức phạt	Số tiền phạt (VNĐ)	Hình thức phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả
				Số quyết định	Ngày Quyết định										
...															

3. Tình hình khắc phục sau thanh tra, kiểm tra

- Số doanh nghiệp đã khắc phục đầy đủ:
- Số doanh nghiệp chưa khắc phục xong:

4. Tình hình xử lý vi phạm qua công tác giám sát:

- Tổng số doanh nghiệp vi phạm được phát hiện qua công tác giám sát:
- Kết quả xử lý:

STT	Tên doanh nghiệp	Mã Trái phiếu/ Thị trường	Hành vi vi phạm	Quyết định xử phạt (số, ngày)	Hình thức phạt	Số tiền phạt (VNĐ)	Hình thức phạt bổ sung	Biện pháp khác phục hậu quả
...								

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục XIV

**ĐỀ NGHỊ CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TỪ CHUYÊN TRANG THÔNG TIN
VỀ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 138/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.../
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ...tháng ... năm ...

V/v yêu cầu đăng ký tài khoản tại
Chuyên trang thông tin
về trái phiếu doanh nghiệp

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Ủy ban nhân dân tỉnh [Tên tỉnh]/Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đề nghị Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp tài khoản chia sẻ thông tin, dữ liệu từ Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 200/2026/NĐ-CP ngày 05/6/2026 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Địa chỉ email tiếp nhận thông tin, dữ liệu từ Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp (*):....

Thông tin liên hệ:

+ Ông/Bà: ...

+ Chức vụ:

+ Điện thoại cố định:

+ Điện thoại di động:

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH [TÊN TỈNH]/
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục XV

THÔNG TIN, DỮ LIỆU CHIA SẺ TỪ CHUYÊN TRANG THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~138~~ 2026/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Số:

V/v Báo cáo thông tin, dữ liệu chia sẻ từ Chuyên trang thông tin
về trái phiếu doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng ... năm 20...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .../ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(Kỳ báo cáo: quý.../ năm...)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

**Bảng 1: Tổng quan tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại địa bàn tỉnh/thành phố*.../
Tổng quan tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty
quản lý quỹ đầu tư chứng khoán****

(từ ngày... đến ngày.....)

STT	Tên Doanh nghiệp	Số đợt phát hành	Tổng giá trị phát hành (VND)
	<i>Tên tổ chức phát hành</i>	<i>Hiển thị tổng số đợt phát hành từ ngày... đến ngày....</i>	<i>Là tổng cộng giá trị phát hành của các đợt phát hành từ ngày... đến ngày.... (tính theo kết quả phát hành)</i>
1	Công ty A		
2	Công ty B		

**Bảng 2: Chi tiết tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của doanh nghiệp tại địa bàn tỉnh*.../
Chi tiết tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty
quản lý quỹ đầu tư chứng khoán****

(từ ngày...đến ngày....)

S T T	Tên Doanh nghiệp	Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ (đồng)	Mã TP DN riêng lẻ	Số lượng phát hành		Giá trị phát hành (đồng)		Mệnh giá	Kỳ hạn	Đơn vị kỳ hạn	Đối tượng chào bán của mã trái phiếu	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng Nhà đầu tư		Loại hình trái phiếu (TP)						Lãi suất trái phiếu		Tổ chức tư vấn	Đại lý phát hành	Tổ chức đại diện NSH TP	Tổ chức đại lý quản lý TS ĐB	Kết quả XH TN của trái hiếu (nếu có)	
					Dự kiến	Kết quả	Dự kiến	Kết quả							Tổ chức	Cá nhân	TP chuyển đổi		TP kèm chứng quyền	TP bảo đảm		Dự kiến	Thực tế							
																	Có	Không		Có	Không			Có						Không
1	CTy A			Mã X																										
	CTy A			Mã Y																										
	CTy A			Mã Z																										
2	CTy B																													
3	CTy C																													

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: * Áp dụng đối với Báo cáo thông tin, dữ liệu chia sẻ từ Chuyên trang thông tin về TPDN gửi UBND cấp tỉnh

** Áp dụng đối với Báo cáo thông tin, dữ liệu chia sẻ từ Chuyên trang thông tin về TPDN gửi UBCKNN